

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

NGUYỄN THỊ HẰNG

**CÁC TỘI PHẠM ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG
TRẠNG THÁI TINH THẦN BỊ KÍCH ĐỘNG MẠNH
THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2015

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

NGUYỄN THỊ HẰNG

**CÁC TỘI PHẠM ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG
TRẠNG THÁI TINH THẦN BỊ KÍCH ĐỘNG MẠNH
THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số: 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS ĐỖ NGỌC QUANG

HÀ NỘI – 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

NGUYỄN THỊ HẰNG

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các từ viết tắt	
Danh mục các bảng	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁC TỘI PHẠM THỰC HIỆN TRONG TRẠNG THÁI TINH KINH BỊ KÍCH ĐỘNG MẠNH THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	6
1.1. Các khái niệm có liên quan	6
1.1.1. Khái niệm trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.....	6
1.1.2. Khái niệm các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh	10
1.1.3. Các dấu hiệu nhận biết tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh	10
1.2. Phân biệt tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với một số trường hợp phạm tội khác	17
1.2.1. Với trường hợp phạm tội bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.....	17
1.2.2. Với trường hợp phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.....	18
1.3. Quá trình phát triển của Luật hình sự Việt Nam quy định về tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh	20

1.3.1.	Giai đoạn từ cách mạng tháng 8 năm 1945 đến trước khi pháp điển hóa Bộ luật hình sự 1985.....	20
1.3.2.	Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 đến trước khi pháp điển hóa Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999....	22
1.3.3.	Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 đến nay	25
1.4.	Quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam 1999 về các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.....	27
1.4.1.	Các quy định chung về tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh	27
1.4.2.	Các quy định riêng về các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.....	33
	Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI PHẠM THỰC HIỆN TRONG TRẠNG THÁI TINH THẦN BỊ KÍCH ĐỘNG MẠNH VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	39
2.1.	Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tội được thực hiện trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh từ năm 2010 đến 2014.....	39
2.1.1.	Tình hình xét xử của Tòa án về các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh	39
2.1.2.	Những nguyên nhân làm phát sinh những tồn tại trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.....	52
2.2.	Những kiến nghị, giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh	58

2.2.1.	Quan điểm của Đảng và chính sách hình sự của Nhà nước Việt Nam trong xử lý các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh	58
2.2.2.	Hoàn thiện pháp luật hình sự về các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh	61
2.2.3.	Bồi dưỡng kiến thức nhằm nâng cao trình độ những người tiến hành tố tụng giải quyết vụ án có tình tiết phạm tội trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh.....	65
2.2.4	Áp dụng án lệ vào hoạt động xét xử của Tòa án	66
2.2.5.	Tuyên truyền giáo dục pháp luật và giải quyết các mâu thuẫn trong nhân dân	67
	KẾT LUẬN	69
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	71

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BLTTHS:	Bộ luật tố tụng hình sự
CTTP:	Cấu thành tội phạm
HĐTP:	Hội đồng thẩm phán
HSPT:	Hình sự phúc thẩm
HSST:	Hình sự sơ thẩm
TANDTC:	Tòa án nhân dân tối cao
TNHS:	Trách nhiệm hình sự
VKS:	Viện kiểm sát
VKSND:	Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

<i>Số hiệu bảng</i>	<i>Tên bảng</i>	<i>Trang</i>
<i>Bảng 2.1:</i>	Số lượng vụ án hình sự và số lượng bị cáo được đưa ra xét xử về tội giết người trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh	40
<i>Bảng 2. 2:</i>	Số lượng vụ án hình sự và số lượng bị cáo được đưa ra xét xử về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh	42

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Pháp luật hình sự Việt Nam qua cả hai lần pháp điển hóa đều ghi nhận việc thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Tại Bộ luật hình sự 1985 việc thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được thể hiện tại khoản 3 Điều 101 về tội giết người và khoản 4 Điều 109 về tội cố ý gây thương tích. Đến Bộ luật hình sự 1999 các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh đã được tách ra thành những điều luật độc lập ghi nhận tại Điều 95 và Điều 105. Bộ luật hình sự 1999 so với Bộ luật hình sự 1985 có một số thay đổi nhưng bản chất của các tội phạm này liên quan đến việc thực hiện việc phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh vẫn giữ nguyên. Tuy nhiên ở cả hai bộ luật tại phần chung vẫn chưa ghi nhận khái niệm pháp lý thế nào là thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, các dấu hiệu của chúng để phân biệt với việc thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc của người khác gây ra tại khoản 1 Điều 46. Do vậy việc nghiên cứu để hoàn thiện là một việc cần thiết.

Việc áp dụng pháp luật liên quan đến vấn đề này trên thực tế không dễ dàng. Việc phân biệt trường hợp phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc do người khác gây ra (khoản 1 Điều 46) và với trường hợp phạm tội vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng đòi hỏi phải có sự quy định rõ ràng, cụ thể về các vấn đề pháp lý trên. Việc không phân biệt rõ ràng cũng như không hiểu rõ bản chất của việc thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh sẽ gây ra nhiều vướng mắc, lúng túng và áp dụng không thống nhất các quy định của Bộ luật hình sự trong hoạt động xét xử của Tòa án. Từ đó ảnh hưởng đến việc xử lý tội phạm công minh, đúng người, đúng tội.

Việc tiếp tục nghiên cứu các quy định pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh để làm sáng tỏ về mặt khoa học và đưa ra các giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định đó không chỉ có ý nghĩa lý luận, thực tiễn, pháp lý quan trọng mà còn là lý do luận chứng cho sự cần thiết để Tôi lựa chọn đề tài “*Các tội phạm được thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo Luật Hình sự Việt Nam*” làm luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh vừa là dấu hiệu định tội vừa là hình thức hoạt động thể hiện sự đánh giá về mặt pháp lý đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội. Do đó, ở trong và ngoài nước đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học ở những mức độ khác nhau, những khía cạnh, những phương diện khác nhau về vấn đề này. Ở cấp độ luận văn thạc sĩ có các đề tài của các tác giả Đoàn Văn Lâm “*Các tội xâm phạm tính mạng con người trong luật hình sự Việt Nam*, Hà Nội, 2013. Ở cấp độ luận án tiến sĩ có các đề tài của các nhà nghiên cứu Đỗ Đức Hồng Hà “*Tội giết người trong Bộ luật hình sự Việt Nam*” luận án tiến sĩ. Tiến sĩ Trần Văn Luyện (2000) “*Các tội xâm phạm tính mạng con người trong luật hình sự Việt Nam*” Nxb chính trị quốc gia. Bên cạnh đó, về giáo trình, sách chuyên khảo, bình luận có các công trình sau: Lê Cẩm (chủ biên 2001), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam* (Phần chung), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, (tái bản lần thứ nhất – 2003); Lê Cẩm (chủ biên 2003), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam* (Phần các tội phạm), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Đỗ Ngọc Quang, Trịnh Quốc Toàn, Nguyễn Ngọc Hòa (1997) *Giáo trình luật hình sự Việt Nam* (Phần chung), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội; Võ Khánh Vinh (chủ biên) *giáo trình luật hình sự Việt Nam* (phần các tội phạm) Nxb Công an nhân dân, Hà Nội 2005; Đinh Văn Quế, *Bình luận khoa học luật hình sự* (phần các tội phạm) tập I,

Nxb TP. HCM 2003; Lê Cẩm “*một số vấn đề lý luận chung về định tội danh Chương XXXI* – giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Nxb CAND, Hà Nội; Trường đại học Luật Hà Nội (2008) *giáo trình Luật hình sự Việt Nam* (phần các tội phạm) Nxb DHQGHN, Hà Nội.

Trên cơ sở khảo sát cho thấy ở nước ta đã có một số công trình nghiên cứu về tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nhưng chưa được xem xét riêng với tư cách là một dấu hiệu định tội mà chỉ tập trung phân tích các cấu thành tội phạm cũng như hình phạt áp dụng hoặc nghiên cứu chúng trong hệ thống các tội phạm xâm phạm về tính mạng, sức khỏe. Các nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở khái niệm mà chưa đi sâu nghiên cứu các dấu hiệu nhận biết thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Như vậy, tình hình nghiên cứu trên đây một lần nữa cho phép khẳng định việc nghiên cứu đề tài “Các tội phạm được thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo Luật Hình sự Việt Nam” là đòi hỏi khách quan, cấp thiết, vừa có tính lý luận vừa có tính thực tiễn.

3. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Mục đích nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu các quy định của pháp luật về các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh dưới khía cạnh lập pháp hình sự và áp dụng chúng trong thực tiễn, từ đó luận văn đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định đó, cũng như đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng trên thực tế.

Từ mục đích trên luận văn có những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Từ cơ sở tổng hợp các quan điểm của các tác giả trong và ngoài nước về các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh luận văn nghiên cứu một số vấn đề như: khái niệm; Các dấu hiệu nhận biết trạng thái tinh thần bị kích động mạnh; Phân biệt tinh thần bị kích động mạnh với

tinh thần bị kích động (khoản 1 Điều 46); Phân biệt tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với trường hợp phạm tội vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

- Khái quát sự phát triển của việc ghi nhận thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh trong lịch sử lập pháp của Việt Nam từ 1945 đến nay;

- Nghiên cứu những quy định cụ thể về hai tội: tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95 BLHS 1999) và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 105 BLHS 1999);

- Nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định về thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Đồng thời làm rõ những hạn chế xung quanh việc áp dụng và những nguyên nhân của nó;

- Đề xuất những định hướng và giải pháp hoàn thiện các quy định về thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh trong BLHS Việt Nam hiện hành và nâng cao hiệu quả áp dụng trên thực tiễn.

Phạm vi nghiên cứu của luận văn tập trung vào nghiên cứu và giải quyết những vấn đề xung quanh các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, cụ thể phân tích hai tội phạm có liên quan: tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95) và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 105) trong thời gian từ 2010 đến 2014.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng mác- xít, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng và nhà nước ta về xây dựng nhà nước pháp quyền, về chính sách hình sự, về vấn đề cải cách tư pháp thể hiện trong các nghị quyết của Đại hội Đảng.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể và đặc thù của khoa học luật hình sự như: phương pháp phân tích tổng hợp; phương pháp so sánh; phương pháp quy nạp; phương pháp diễn dịch; phương pháp thống kê; phương pháp xã hội học.... để tổng hợp các tri thức khoa học và luận chứng các vấn đề nghiên cứu trong luận văn.

5. Những đóng góp và điểm mới của luận văn

Kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa quan trọng về phương diện lý luận và thực tiễn. Giải quyết nhiều vấn đề liên quan đến các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Thông qua việc nghiên cứu chúng dưới góc độ là một dấu hiệu định tội

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 2 chương:

Chương 1. Những vấn đề chung về các tội phạm thực hiện trong trạng thái thần kinh bị kích động mạnh theo Luật hình sự Việt Nam.

Chương 2. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tội phạm thực hiện trong trạng thái thần kinh bị kích động mạnh và những kiến nghị, đề xuất.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁC TỘI PHẠM THỰC HIỆN TRONG TRẠNG THÁI THẦN KINH BỊ KÍCH ĐỘNG MẠNH THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Các khái niệm có liên quan

1.1.1. Khái niệm trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Để chủ thể định tội nhận thức đúng các dấu hiệu của CTTP, các dấu hiệu của chúng phải được mô tả chính xác, rõ ràng trong Bộ luật hình sự năm 1999. Sự mô tả các dấu hiệu CTTP của từng tội phạm cụ thể trong Bộ luật hình sự năm 1999 giúp cho chủ thể định tội thực hiện tốt công việc của mình, trong đó có mục đích rất quan trọng là xác định sự khác nhau giữa tội phạm này với tội phạm khác. Vì thế, CTTP phải có tính đặc trưng. Khi mô tả các dấu hiệu của CTTP, nhà làm luật phải hết sức chú ý đến đặc điểm này của CTTP. Hầu hết các tội phạm trong Bộ luật hình sự năm 1999 được các nhà làm luật mô tả một cách chính xác, rõ ràng, giúp cho chủ thể định tội nhận thức đúng dẫn sự khác nhau giữa tội phạm này với tội phạm khác. Tuy nhiên, trong Bộ luật hình sự năm 1999 vẫn còn một vài tội phạm mà tính đặc trưng của chúng chưa rõ khiến cho chủ thể định tội gặp khó khăn khi xác định một hành vi là phạm tội này hay tội khác. Minh chứng cụ thể là CTTP của hai tội: Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95 của Bộ luật hình sự năm 1999) và Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 105 của Bộ luật hình sự năm 1999). Cả hai CTTP của hai tội đều chứa đựng dấu hiệu “trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”

Việc xác định một người có bị kích động mạnh về tinh thần hay không là một vấn đề phức tạp. Trạng thái tâm lý của mỗi người khác nhau, cùng một sự việc nhưng người này xử sự khác người kia; có người bị kích động

về tinh thần, thậm chí "điên lên", nhưng cũng có người vẫn bình thường, thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra [22, tr.27]. Và cách xử sự của mỗi người cũng rất khác nhau. Hiện nay có nhiều quan điểm về trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Có quan điểm cho rằng, tình trạng tinh thần bị kích động mạnh là tình trạng (tâm lý) không hoàn toàn tự chủ, tự kiềm chế được hành vi của mình [11, tr.193]; [32, tr.74]. Gần giống với quan điểm này là quan điểm cho rằng, trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là tình trạng ý thức bị hạn chế ở mức độ cao do không chế ngự được tình cảm dẫn đến sự hạn chế đáng kể khả năng kiểm soát và điều khiển hành vi [15, tr.247]. Như vậy, hai quan điểm nói trên đều thừa nhận trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là trạng thái mà tâm lý bị ức chế ở mức độ cao dẫn đến nhận thức bị hạn chế làm giảm đáng kể khả năng điều khiển hành vi, nhưng vẫn còn khả năng điều khiển hành vi của mình. Quan điểm thứ ba lại coi trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là trạng thái của một người không còn nhận thức đầy đủ về hành vi của mình như lúc bình thường, nhưng chưa mất hẳn khả năng nhận thức. Lúc đó, họ mất khả năng tự chủ và không thấy hết được tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình; trạng thái tinh thần của họ gần như người điên (người mất trí). Đây là cơ sở để phân biệt với trường hợp phạm tội do tinh thần bị kích động [22, tr.56-57]. Theo quan điểm này, người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh dù chưa mất hoàn toàn khả năng nhận thức, nhưng đã mất khả năng tự chủ - khả năng kiềm chế và điều khiển hành vi của mình.

Theo quan điểm thứ ba thì khả năng kiềm chế và điều khiển hành vi của họ mất và có thể coi họ là một trong những trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự. Điều 13 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định “*nếu một người mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác (nguyên nhân khách quan) mà dẫn đến mất khả năng nhận thức hoặc mất khả năng điều khiển hành vi, thì*

được xem là người không có năng lực trách nhiệm hình sự” [26, Điều 13]. Người phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có nguyên nhân xuất phát từ người bị hại. Như vậy, có thể coi việc họ mất khả năng tự chủ và điều khiển hành vi là nguyên nhân ngoài ý muốn của họ. Nếu xem họ mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, họ sẽ không chịu trách nhiệm hình sự về hành vi nguy hiểm của mình theo quy định của Điều 13 của Bộ luật hình sự 1999. Như vậy, hai quan điểm đầu sẽ là hợp lý hơn tức là một người phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là người dù chịu tác động mạnh mẽ về mặt tâm lý nhưng khả năng nhận thức vẫn còn, nghĩa là khả năng kiểm chế và điều khiển hành vi của họ vẫn còn.

Theo quy định của pháp luật thì cho đến hiện tại hướng dẫn về trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mới chỉ có tại Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29.11.1986 của HĐTP TANDTC, mà chưa có một khái niệm hay hướng dẫn cụ thể nào khác. Theo hướng dẫn của nghị quyết trên thì:

Tình trạng tinh thần bị kích động mạnh là tình trạng người phạm tội không hoàn toàn tự chủ, tự kiểm chế được hành vi phạm tội của mình. Nói chung, sự kích động mạnh đó phải là tức thời do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân gây nên sự phản ứng dẫn tới hành vi giết người. Nhưng cá biệt có trường hợp do hành vi trái pháp luật của nạn nhân có tính chất đè nén, áp bức tương đối nặng nề, lặp đi lặp lại, sự kích động đó đã âm ỷ, kéo dài, đến thời điểm nào đó hành vi trái pháp luật của nạn nhân lại tiếp diễn làm cho người bị kích động không tự kiểm chế được; nếu tách riêng sự kích động mới này thì không coi là kích động mạnh, nhưng nếu xét cả quá trình phát triển của sự việc, thì lại được coi là mạnh hoặc rất mạnh. Trong trường hợp cá biệt hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân cấu thành tội phạm nhưng là tội

phạm ít nghiêm trọng (như tội làm nhục người khác, tội vu khống) thì cũng được coi là giết người trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh... [26].

Người bị kích động về tinh thần là người không còn nhận thức đầy đủ về hành vi của mình như lúc bình thường, nhưng chưa mất hẳn khả năng nhận thức. Trạng thái này chỉ xảy ra trong chốc lát, sau đó tinh thần của họ trở lại bình thường như trước. Do vậy có thể hiểu trong trường hợp bình thường họ không phạm tội mà trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh họ phạm tội thông qua mức độ nhận thức của họ trong lúc này. Bình thường, họ nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm, nhận thức được hậu quả nguy hiểm cho xã hội và nhận thức được điều đó là sai, trái pháp luật, phải gánh lấy trách nhiệm pháp lý nên họ kiềm chế hành vi của mình. Tuy nhiên, trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, mức độ nhận thức của họ giảm đi đáng kể. Họ vẫn có thể nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội ở mức độ nào đó, nhận thức một cách khái quát về hậu quả mà họ không quan tâm đến, không nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật cũng như không nhận thức được sẽ phải gánh lấy hậu quả pháp lý từ hành vi của mình. Thực tế đó làm giảm đi đáng kể khả năng tự chủ và điều khiển hành vi của mình (chứ không phải mất hẳn khả năng đó) và hành vi phạm tội xảy ra. Ví dụ vụ án: Do tranh chấp lời đi giữa hai nhà, Nguyễn Văn T đã xông vào nhà hàng xóm chửi bới và đánh gãy tay bà Phan Thị H. Con trai bà H là Đặng Minh D vừa đi làm về thấy mẹ bị đánh ngất xỉu và nghe sự việc em gái kể lại đã không kiềm chế được chạy vào bếp lấy con dao đâm Nguyễn Văn T một nhát làm người này chết trên đường đi cấp cứu. Ví dụ trên đây cho thấy anh Đặng Minh D đã không hoàn toàn tự chủ, kiềm chế được hành vi phạm tội của mình do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân (chửi bới và đánh gãy tay) đối với người thân thích là mẹ của D.

Từ những phân tích trên có thể rút ra khái niệm thế nào là trạng thái tinh thần bị kích động mạnh: *“Trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là trạng thái một người không hoàn toàn tự chủ, tự kìm chế được hành vi của mình một cách tức thời do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với họ hoặc người thân thích của họ gây nên sự phản ứng dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật”*

1.1.2. Khái niệm các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Như đã phân tích ở trên thì trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là tình trạng không còn nhận thức đầy đủ về hành vi của mình, nhưng chưa mất hẳn khả năng nhận thức; khả năng tự chủ và tự điều khiển hành vi bị hạn chế ở mức độ cao.

Trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự 1999 thì việc thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được ghi nhận ở hai Điều luật (Điều 95 – Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và Điều 105 - Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác) tại Chương về các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người. Theo đó, cấu thành định tội của hai tội phạm này đều phải thỏa mãn các dấu hiệu sau:

Thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là người phạm tội thực hiện những hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ một cách có lỗi trong trạng thái không nhận thức đầy đủ được hết tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội từ hành vi của mình. Hành vi nguy hiểm cho xã hội là hành vi đã gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể đến các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Mà cụ thể ở trường hợp thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là đe dọa gây ra thiệt hại đến tính mạng và sức khỏe của con

người được quy định tại Điều 95 và Điều 105 Bộ luật hình sự 1999. Hành vi nguy hiểm này được thực hiện trong trạng thái người phạm tội không hoàn toàn kiểm chế và điều khiển được hành vi của mình bởi hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân. Hậu quả mang lại là nạn nhân bị chết hoặc thương tật trên 31%.

Người thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh phải là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và đủ năng lực nhận thức, điều khiển hành vi của mình.

Lỗi là thái độ tâm lý của một người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả của hành vi đó dưới hình thức cố ý hoặc vô ý. Trường hợp thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì lỗi ở đây phải là lỗi cố ý. Vì người phạm tội không kiểm chế, điều khiển được hành vi của mình nhưng vẫn chưa mất khả năng nhận thức. Khi thực hiện tội phạm người phạm tội vẫn nhận biết được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng có thái độ mong muốn hoặc bỏ mặc cho hậu quả xảy ra.

Như vậy, từ các phân tích trên có thể kết luận: *Các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là các tội phạm được ghi nhận tại phần riêng của Bộ luật hình sự mà cụ thể là tội Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được quy định tại Điều 95 và Điều 105 Bộ luật hình sự 1999. Các tội phạm này vừa phải đáp ứng các dấu hiệu của tội phạm được quy định tại Phần chung Bộ luật hình sự vừa phải có đầy đủ các dấu hiệu của tinh thần bị kích động mạnh.*

1.1.3. Các dấu hiệu nhận biết tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Dấu hiệu định tội là những dấu hiệu đặc trưng điển hình, phản ánh được đầy đủ tính chất nguy hiểm của một tội phạm và để phân biệt tội phạm

này với tội phạm khác. Đó là những dấu hiệu được quy định trong cấu thành tội phạm cơ bản của một tội phạm cụ thể được quy định trong phần các tội Bộ luật hình sự. Trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được coi là một dấu hiệu định tội của hai tội: Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95 Bộ luật hình sự 1999) và tội Cố ý gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 105 Bộ luật hình sự 1999). Để xem xét, đánh giá một người có thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh hay không thì cần dựa vào các dấu hiệu nhận biết sau:

Thứ nhất, phải có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân.

Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân, trước hết bao gồm nhưng hành vi vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm đến lợi ích của người phạm tội hoặc đối với những người thân thích của người phạm tội. Những người thân thích là những người có quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân như: vợ đối với chồng; cha mẹ với con cái; anh chị em ruột, anh chị em cùng cha khác mẹ đối với nhau; ông bà nội ngoại đối với các cháu v.v.... Trong thực tiễn xét xử Tòa án cũng đã công nhận một số trường hợp tuy không phải là quan hệ huyết thống hay quan hệ hôn nhân mà chỉ là quan hệ thân thuộc cũng được xác định là người thân thích của nhau ví dụ như mối quan hệ giữa con rể với bố mẹ vợ...

Thông thường những hành vi trái pháp luật của nạn nhân xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người phạm tội và những người thân thích của người phạm tội, nhưng cũng có một số trường hợp xâm phạm đến tài sản của người phạm tội như: đập phá tài sản, đốt cháy, cướp giết, trộm cắp v.v.... Ngoài hành vi vi phạm pháp luật hình sự, nạn nhân còn cả những hành vi vi phạm nghiêm trọng pháp luật khác như: Luật hành chính, Luật lao động; Luật giao thông, Luật dân sự; Luật hôn nhân và gia

đình v.v.... Việc xác định một hành vi trái pháp luật của nạn nhân đã tới mức nghiêm trọng hay chưa cũng phải đánh giá một cách toàn diện. Có hành vi chỉ xảy ra một lần đã là nghiêm trọng, ví dụ: Do có mâu thuẫn từ trước trong việc làm ăn nên C và D chặn xe của vợ chồng A khi họ đang trên đường về nhà, C khống chế A còn D đẩy vợ A từ trên xe xuống và liên tiếp đập vào bụng vợ A dù A có thông báo là vợ mình đang mang thai và xin D dừng lại. D vẫn đánh vợ A cho đến khi thấy vợ A bị chảy máu thì dừng và ra hiệu cho C đi về. khi C và D chuẩn bị lên xe đi về thì A cầm được hòn đá ven đường chạy đến đập liên tiếp vào đầu D. Kết quả D bị chấn thương sọ não và bị thương tật 61%. Hành vi phạm tội của A được thực hiện do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của D, mặc dù biết vợ A đang mang thai nhưng D vẫn cố tình đánh và đập vào bụng vợ A khiến cho tinh thần của A bị kích động và trong tức thời A đã không điều khiển, kiềm chế được hành vi của mình và gây ra thương tật cho D.

Ngoài ra, cũng có hành vi nếu chỉ xảy ra một lần thì chưa nghiêm trọng, nhưng nó được lặp đi lặp lại nhiều lần thì lại thành nghiêm trọng. Hành vi trái pháp luật của nạn nhân có tính chất đè nén, áp bức tương đối nặng nề, lặp đi lặp lại, sự kích động đó đã âm ỷ, kéo dài, đến thời điểm nào đó hành vi trái pháp luật của nạn nhân lại tiếp diễn làm cho người bị kích động không tự kiềm chế được. Ví dụ: A và B nhà ở cạnh nhau, chung một bức tường. B đục tường từ phía nhà mình sang nhà A trong lúc vợ của A đang bị ốm nặng cần sự yên tĩnh. A đã nhiều lần yêu cầu B chấm dứt hành động đó, nhưng B không nghe, A bực tức giằng búa của B đánh B một cái làm B ngã gục. Trên đường đưa đi cấp cứu thì B chết. Trong trường hợp này, hành vi giết người của A cũng được coi là bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của B.

Như vậy, rõ ràng không phải tự nhiên mà tinh thần của người phạm tội

bị kích động khi không có một yếu tố nào tác động và họ cũng không thể tự tạo được cho mình trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Chính những hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân mới chính là nguyên nhân dẫn đến trạng thái tinh thần bị kích động mạnh ở người phạm tội. Tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi trái pháp luật của nạn nhân là một căn cứ để xem tinh thần của người phạm tội có bị kích động mạnh hay không.

Thứ hai, trạng thái tinh thần của người khi thực hiện tội phạm là bị kích động mạnh.

Nếu hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân là điều kiện cần thì trạng thái tinh thần bị kích động mạnh của người thực hiện tội phạm là điều kiện đủ để xác định có hay không có tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Như đã phân tích ở phần khái niệm, người bị kích động về tinh thần là người không còn nhận thức đầy đủ về hành vi của mình như lúc bình thường, nhưng chưa mất hẳn khả năng nhận thức. Lúc đó họ mất khả năng tự chủ và không thấy hết được tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình; trạng thái tinh thần của họ gần như người điên (người mất trí). Trạng thái này chỉ xảy ra trong chốc lát, sau đó tinh thần của họ trở lại bình thường như trước.

Không phải dễ dàng để xác định một người bị kích động mạnh hay chưa mạnh về tinh thần. Có trường hợp hành vi có cường độ mạnh nhưng chỉ xảy ra một lần cũng đủ dẫn đến kích động mạnh cũng có trường hợp hành vi dù cường độ thấp nhưng xảy ra nhiều lần cũng có thể dẫn đến tinh thần bị kích động mạnh. Hiện Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn cũng thi hành cũng chưa có một tiêu chí cụ thể xác định thế nào là bị kích động mạnh về tinh thần. Do vậy, phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, xem xét một cách toàn diện các tình tiết của vụ án, nhân thân người phạm tội, quá trình

diễn biến của sự việc, nghề nghiệp, trình độ văn hoá, hoạt động xã hội, điều kiện sống, tính tình, bệnh tật, hoàn cảnh gia đình, quan hệ giữa người phạm tội với nạn nhân v.v... để từ đó xác định mức độ bị kích động về tinh thần có mạnh hay không, mạnh tới mức nào.

Thực tế, việc xác định mức độ trạng thái thần kinh bị kích động mạnh do chính những người tiến hành tố tụng (Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm) dựa vào kinh nghiệm sống, thực tế của mình để quyết định, trong vụ án này người phạm tội có tình tiết phạm tội trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh hay không.

Trường hợp người phạm tội có bị kích động về tinh thần nhưng chưa tới mức mất khả năng tự chủ thì không gọi là bị kích động mạnh và không thuộc trường hợp thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Tuy nhiên họ được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do có tình tiết: “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra” theo quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự.

Thứ ba, hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân phải là nguyên nhân làm cho người phạm tội bị kích động mạnh về tinh thần

Giữa trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và hành vi trái pháp luật của nạn nhân có mối quan hệ nhân quả. Đây là mối quan hệ tất yếu nội tại có cái này ắt có cái kia. Trạng thái tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội phải bắt nguồn từ hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân mà không phải của người khác. Ví dụ: nhà Y và X đang có tranh chấp về đất đai, ngày 16/05/2014 khi Y đang đi làm thì có người gọi về: “về ngay đi, mẹ anh bị người ta dùng dao chém chết rồi” Y chạy về nhà thấy mẹ mình nằm bất tỉnh trên vũng máu bên cạnh là con dao. Mọi người cho biết T, con bà X đến to tiếng với mẹ Y rồi cầm dao chém mẹ Y. Y bực tức cầm luôn con dao chạy

sang nhà bà X tìm T nhưng không có T ở nhà, Y đã cầm dao chém bà X làm bà X chết tại chỗ. Trường hợp này chính T mới là người có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng khiến Y bị kích động về tinh thần chứ không phải bà X. Do đó, hành vi giết người của Y không phải là giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Trường hợp nạn nhân có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng và làm cho người phạm tội tinh thần bị kích động mạnh nhưng nếu nạn nhân là người điên hay trẻ em dưới 14 tuổi thì cũng không thuộc trường hợp phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Bởi lẽ, hành vi của người điên và của trẻ em dưới 14 tuổi không bị coi là hành vi trái pháp luật, vì họ không có lỗi do không nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi do họ thực hiện. Hay nói cách khác, hành vi của những người này là hành vi của người không có năng lực hình sự. Xác định căn cứ không có năng lực trách nhiệm hình sự dựa vào độ tuổi theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự. Pháp luật hình sự nước ta quy định: *Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.* Điều 13 Bộ luật hình sự quy định:

Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự; đối với người này, phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh [26, Điều 13].

Trường hợp người phạm tội tự mình gây nên tình trạng tinh thần kích động mạnh rồi giết người cũng không thuộc trường hợp giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Ví dụ: Phạm Việt C nghi ngờ vợ quan hệ bất chính với Lê Văn T nhưng không có bằng chứng, nhiều lần C tra hỏi vợ

nhưng vợ C không nhận; Phạm Việt C bức tức uống rượu say rồi mang dao đến nhà T gây sự rồi gây thương tích cho T với tỷ lệ thương tật 40%. Trong trường hợp này, hành vi của T không được thừa nhận phạm tội trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh.

1.2. Phân biệt tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với một số trường hợp phạm tội khác

1.2.1. Với trường hợp phạm tội bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự

Từ các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, ta có thể phân biệt với một số tội phạm nhằm làm rõ hơn những điểm khác nhau cơ bản giữa tội phạm này với các tội phạm khác. Từ đó, tạo thuận lợi cho quá trình áp dụng trong thực tiễn xét xử.

Nội dung của tình tiết giảm nhẹ *phạm tội bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra* được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự khác với tình tiết là yếu tố định tội tại Điều 95 (tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh) và Điều 105 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh) là phạm tội trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người đó. Cả hai trường hợp, người phạm tội đều bị kích động về tinh thần và đều do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra. Nhưng sự khác nhau là mức độ bị kích động và mức độ trái pháp luật của người bị hại. Nếu ở trường hợp quy định tại Điều 95 hoặc Điều 105 Bộ luật hình sự, người phạm tội phải bị kích động mạnh thì ở trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự tuy tinh thần

có bị kích động nhưng chưa mạnh, chưa tới mức không nhận thức được hành vi của mình.

Nếu ở trường hợp quy định tại Điều 95 và Điều 105 Bộ luật hình sự, hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của người bị hại phải là đối với người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội, còn ở điểm đ khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự thì không nhất thiết phải như vậy.

Nếu ở trường hợp quy định tại Điều 95 hoặc Điều 105 Bộ luật hình sự, hành vi trái pháp luật của người bị hại phải là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng, thì ở điểm đ khoản 1 Điều 46 hành vi trái pháp luật của người bị hại chưa phải là nghiêm trọng.

Hành vi trái pháp luật ở trường hợp quy định tại Điều 95 và Điều 105 Bộ luật hình sự nhất thiết phải là hành vi của người bị hại, còn đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 có thể không nhất thiết phải là của người bị hại mà còn có thể là của người khác.

Mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phụ thuộc vào sự kích động và vào hành vi trái pháp luật của người bị hại. Người phạm tội do hành vi trái pháp luật của chính người bị hại đối với mình sẽ được giảm nhẹ trách nhiệm nhiều hơn là phạm tội do hành vi trái pháp luật của người khác đối với mình hoặc đối với người thân thích của mình. Hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc của người thân thích đối với họ càng nguy hiểm thì mức độ giảm nhẹ trách nhiệm càng nhiều.

1.2.2. Với trường hợp phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

Liên quan đến phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng Bộ luật hình sự 1999 quy định hai tội: tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96 Bộ luật hình sự) và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106 Bộ luật hình sự). Liên quan đến khái niệm phòng vệ chính đáng Điều 15 Bộ luật hình sự có quy định:

1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm. 2. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại. Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự... [26, Điều 15].

Việc phân biệt thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có ý nghĩa rất quan trọng. Vì rõ ràng đây là hai trường hợp khác nhau, tính chất tội phạm khác nhau và có những dấu hiệu riêng. Mặc dù cả hai trường hợp, nạn nhân đều có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng, nhưng ở trường hợp phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, hành vi phạm tội đang xảy ra và chưa kết thúc, còn ở trường hợp thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, hành vi trái pháp luật của nạn nhân đã kết thúc. Ví dụ: trên đường về nhà chị B gặp A đang say rượu, A chặn xe của chị B trêu ghẹo rồi ép chị B cho mình quan hệ tình dục. Trong lúc giằng co chị B có cầm được hòn đá ven đường nên đã đập liên tiếp vào đầu A; A gục tại chỗ và tử vong. Hành vi phạm tội của chị B là giết người vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng chứ không phải giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mặc dù tinh thần của chị B có thể bị kích động.

Người phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có thể bị kích động về tinh thần, nhưng cũng có thể không bị kích động về tinh thần, vì phòng vệ là quyền được pháp luật công nhận và trong nhiều trường hợp phòng vệ còn là nghĩa vụ của công dân để bảo vệ lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, nên họ có thể chủ động ngăn chặn sự xâm hại.

Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân ở trường hợp thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có thể bằng lời nói, có thể bằng hành động, nhưng hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân trong phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng chỉ có thể là hành động xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, của người phạm tội hoặc của người khác.

Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân ở trường hợp thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh chỉ đối với người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội còn hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân trong phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có thể đối với Nhà nước, tổ chức hoặc người khác.

1.3. Quá trình phát triển của Luật hình sự Việt Nam quy định về tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Sự hình thành và phát triển của các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người gắn liền với sự hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung kể từ ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Nó gắn liền với các giai đoạn của cách mạng Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đến cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Khi đất nước được thống nhất, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội đã tạo ra những cơ sở về chính trị, kinh tế- xã hội để thống nhất về mặt luật pháp, trong đó pháp luật hình sự quy định các tội phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người ngày càng được xây dựng và hoàn thiện.

1.3.1. Giai đoạn từ cách mạng tháng 8 năm 1945 đến trước khi pháp điển hóa Bộ luật hình sự 1985

Từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự đầu tiên năm 1985 nguồn pháp luật hình sự Việt Nam là tập hợp các văn bản đơn hành với

nhieu hình thức tên gọi như Sắc lệnh, thông tư, điều lệ... nội dung chủ yếu là các tội phạm về phản cách mạng, tội phạm xâm phạm tính mạng sức khỏe, tội phạm, về sở hữu...Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, để kịp thời đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ban hành Sắc luật số 03/SL ngày 15/03/1976 quy định về tội phạm và hình phạt (sau tháng 12/1976 văn bản này được áp dụng cho các nước). Quy định về tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được thể hiện tại Sắc luật số 03-SL ngày 15/3/1976 của Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời và Thông tư số 03-SL-BTP-TT ngày 15/4/1976 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Sắc luật số 03 theo đó *“Giết người kèm theo tình tiết giảm nhẹ đặc biệt sau đây thì bị phạt thấp hơn 15 năm tù: Giết người trong tình trạng tinh thần bị kích động một cách mạnh mẽ và đột xuất do hành vi sai trái nghiêm trọng của nạn nhân”* [3]. Sắc luật số 03/SL chỉ dừng lại ở việc nêu tội danh chứ chưa phân biệt cụ thể tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Để nhận thức sắc luật được đúng đắn và để việc áp dụng được thống nhất thì thông tư 03/BTP/TT có hướng dẫn cụ thể, theo đó trường hợp cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được coi là tội phạm ít nghiêm trọng và là một tình tiết giảm nhẹ đặc biệt của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác.

Như vậy, trước khi Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời thì việc quy định các tội phạm nói chung và các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nói riêng ở các văn bản dưới luật nên giá trị pháp lý của những văn bản đó chưa cao đồng thời các quy định đó còn quá chung chung, không nêu cụ thể rõ ràng dẫn đến việc áp dụng không thống nhất, việc xét xử

gặp nhiều vướng mắc do vậy cũng ảnh hưởng phần nào đến chất lượng xét xử cũng như hiệu quả của công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm này.

1.3.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 đến trước khi pháp điển hóa Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999

Với sự quan tâm của nhà nước, quá trình pháp điển hóa ở Việt Nam được đẩy mạnh trong giai đoạn 1982 – 1986 mà đỉnh cao của nó là sự ra đời của một bộ luật thống nhất, duy nhất xác định tội phạm và hình phạt: Bộ luật hình sự 1985. Có thể nói, Bộ luật hình sự 1985 ra đời là kết tinh thành tựu 40 năm hoạt động lập pháp của chính quyền cách mạng, là bản tổng kết sâu sắc thực tiễn phòng ngừa đấu tranh phòng chống tội phạm ở nước ta từ năm 1945 đến thời điểm Bộ luật được ban hành. Kế thừa những quy định pháp luật của thời kỳ trước trường hợp thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh đã được và ghi nhận tại hai điều luật Điều 101 về tội giết người.

Tội giết người:

1- Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình;

- a) Vì động cơ đê hèn; để thực hiện hoặc để che giấu tội phạm khác;
- b) Thực hiện tội phạm một cách man rợ; bằng cách lợi dụng nghề nghiệp hoặc bằng phương pháp có khả năng chết nhiều người;
- c) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;
- d) Giết nhiều người hoặc giết phụ nữ mà biết là có thai;
- đ) Có tổ chức;
- e) Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội nghiêm trọng khác;
- g) Có tính chất côn đồ; tái phạm nguy hiểm.

2- Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định ở khoản 1 Điều này hoặc không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm.

3- Phạm tội trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người đó thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm... [24, Điều 101].

Và Điều 109 về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác.

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác:

1- Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

2- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a) Gây thương tích nặng hoặc gây tổn hại nặng cho sức khỏe của người khác;

b) Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;

c) Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm;

3- Phạm tội gây cố tật nặng dẫn đến chết người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác thì bị phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm.

4- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định ở điểm a khoản 2, ở khoản 3 Điều này mà do bị kích động mạnh vì hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân hoặc trong

trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm...[24, Điều 109].

Sau khi Bộ luật hình sự 1985 ra đời thì chỉ có một văn bản duy nhất hướng dẫn về thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh đó là Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29.11.1986 của HĐTP TANDTC mà chưa có một khái niệm hay hướng dẫn cụ thể nào khác. Theo hướng dẫn của nghị quyết trên thì:

Tình trạng tinh thần bị kích động mạnh là tình trạng người phạm tội không hoàn toàn tự chủ, tự kiềm chế được hành vi phạm tội của mình. Nói chung, sự kích động mạnh đó phải là tức thời do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân gây nên sự phản ứng dẫn tới hành vi giết người. Nhưng cá biệt có trường hợp do hành vi trái pháp luật của nạn nhân có tính chất đè nén, áp bức tương đối nặng nề, lặp đi lặp lại, sự kích động đó đã âm ỷ, kéo dài, đến thời điểm nào đó hành vi trái pháp luật của nạn nhân lại tiếp diễn làm cho người bị kích động không tự kiềm chế được; nếu tách riêng sự kích động mới này thì không coi là kích động mạnh, nhưng nếu xét cả quá trình phát triển của sự việc, thì lại được coi là mạnh hoặc rất mạnh. Trong trường hợp cá biệt hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân cấu thành tội phạm nhưng là tội phạm ít nghiêm trọng (như tội làm nhục người khác, tội vu khống) thì cũng được coi là giết người trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh... [17].

Như vậy, so với Sắc luật số 03-SL ngày 15/3/1976 của Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời thì quy định của Bộ luật hình sự 1985 và nghị quyết hướng dẫn liên quan đến tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích

động mạnh đã đầy đủ và cụ thể hơn. Cụ thể nêu ra tình trạng tinh thần bị kích động mạnh là tình trạng người phạm tội không hoàn toàn tự chủ, tự kiềm chế được hành vi phạm tội của mình, hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân là đối với người phạm tội và người thân thích.

1.3.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 đến nay

Trong vòng 12 năm Bộ luật hình sự 1985 đã có bốn lần sửa đổi, bổ sung. việc sửa đổi bổ sung là cần thiết và rất kịp thời nhưng vẫn còn mang tính bộ phận, chỉ đáp ứng được các yêu cầu bức xúc, thời sự trước tình hình tội phạm có chiều hướng gia tăng trong điều kiện xã hội đang chuyển đổi cơ chế, cái cũ mất đi thay thế những cái mới tiến bộ hơn. Đó là những đòi hỏi có tính khách quan cho sự ra đời của Bộ luật hình sự 1999.

Bộ luật hình sự năm 1999 không chỉ thể hiện một cách toàn diện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay, mà còn là công cụ sắc bén trong đấu tranh phòng và chống tội phạm, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm hiệu lực quản lý của Nhà nước, góp phần thực hiện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

So với Bộ luật hình sự năm 1985, Bộ luật hình sự năm 1999 có nhiều quy định mới về tội phạm và hình phạt. Trong đó, quy định về thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh cũng có sự thay đổi. Khoản 3 Điều 101 về tội giết người và khoản 4 Điều 109 về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác của Bộ luật hình sự 1985 được các nhà làm luật tách ra thành hai điều riêng biệt ghi nhận tại Điều 95 và Điều 105 Bộ luật hình sự 1999.

Đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95) được cấu tạo thành hai khoản. Khoản 1 có khung hình phạt từ sáu tháng đến *ba* năm (khoản 3 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 1985 từ sáu tháng

đến năm năm); khoản 2 là trường hợp giết nhiều người có khung hình phạt từ ba năm đến bảy năm (quy định này mới, nặng hơn khoản 3 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 1985). Vì là trường hợp giết người có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt, nếu quy định cùng một điều luật với tội giết người như trước đây thì không phải ánh đúng tính chất của tội phạm này. Việc nhà làm luật tách trường hợp giết này ra thành một tội phạm riêng không chỉ bảo đảm chính xác về lý luận và kỹ thuật lập pháp mà còn phù hợp với thực tiễn xét xử.

Đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 105) Đây là tội phạm được nhà luật tách từ khoản 4 Điều 109 Bộ luật hình sự năm 1985. Các dấu hiệu của tội phạm này cũng tương tự như trường hợp giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh quy định tại Điều 95 Bộ luật hình sự, chỉ khác nhau ở ý thức chủ quan của phạm tội đối với hậu quả và hậu quả thực tế đã xảy ra.

So với khoản 4 Điều 109 Bộ luật hình sự năm 1985, thì các dấu hiệu cấu thành được quy định tại Điều 105 đầy đủ hơn và hoàn toàn tương tự với các dấu hiệu cấu thành tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được quy định tại khoản 3 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 1985.

Khoản 4 Điều 109 Bộ luật hình sự năm 1985 chỉ quy định "bị kích động mạnh vì hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân", chứ chưa quy định "hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc người thân tích của người đó" như khoản 1 Điều 105 Bộ luật hình sự năm 1999. Mặt khác, Bộ luật hình sự năm 1999 quy định rõ tỷ lệ thương tật là từ 31% trở lên thì người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn khoản 4 Điều 109 Bộ luật hình sự năm 1985 chỉ quy định gây thương tích nặng. Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Hội

đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì thương tích hoặc tổn hại đến sức khoẻ của nạn nhân có tỷ lệ thương tật 31% được coi là thương tích nặng. Trường hợp nạn nhân có tỷ lệ thương tật dưới 31% thì người thực hiện hành vi không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, nhìn vào lịch sử lập pháp có thể thấy trường hợp thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được ghi nhận trong pháp luật hình sự khá sớm. Qua hai lần pháp điển hóa với sự ra đời của Bộ luật hình sự 1985 và Bộ luật hình sự 1999 thì quy định liên quan đến thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có sự thay đổi, bổ sung để ngày càng phù hợp với thực tế và theo đúng mục đích của bộ luật hình sự. Sự thay đổi, bổ sung đó là tất yếu song thực tế áp dụng vẫn còn gặp nhiều khó khăn và chưa thống nhất đòi hỏi phải có sự nghiên cứu để hoàn thiện hơn.

1.4. Quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam 1999 về các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

1.4.1. Các quy định chung về tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Giống như các tội phạm khác, các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh phải thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu của tội phạm mà theo PGS.TSKH Lê Cẩm, phải thể hiện ba bình diện với năm đặc điểm(dấu hiệu) của nó là: bình diện khách quan – tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội; bình diện pháp lý – tội phạm là hành vi trái pháp luật hình sự; bình diện chủ quan – tội phạm là hành vi do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách có lỗi [7, tr.105].

Thứ nhất, dấu hiệu về mặt khách thể của các tội phạm được thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Khách thể của tội phạm là những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo

vệ bị tội phạm xâm hại bằng cách gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại. Khách thể của trường hợp phạm tội này là một trong những khách thể quan trọng nhất được luật hình sự bảo vệ. Đó là quyền sống, quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng, sức khỏe của con người. Đối tượng tác động của tội này là những chủ thể có quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng, sức khỏe. Đó là những người đang sống, những người đang tồn tại trong thế giới khách quan với tư cách là con người – thực thể tự nhiên và xã hội. Cụ thể là người phạm tội đã trực tiếp xâm phạm và lấy đi tính mạng của người đã có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội.

Đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Hành vi giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là một trong những hành vi xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của con người, đến quyền sống, quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng của người khác từ đó có thể xác định khách thể của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh đó là quyền sống, quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng của con người. Đây là một trong những khách thể quan trọng nhất được luật hình sự bảo vệ. Về đối tượng tác động của tội phạm: Cũng như tội giết người, đối tượng tác động của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là chủ thể của các quan hệ xã hội. Đó là những người đang sống, những người đang tồn tại trong thế giới khách quan.

Đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Khách thể bị xâm phạm là sức khỏe của con người. Người phạm tội phải có hành vi tác động đến thân thể của người khác làm cho người này bị thương, bị tổn hại đến sức khỏe như: đâm, chém, đâm đá, đốt cháy, đầu độc v.v... Hành vi này về hình thức cũng giống hành vi của tội giết người, nhưng tính chất và mức độ nguy hiểm thấp

hơn nên nó chỉ làm cho nạn nhân bị thương hoặc bị tổn hại đến sức khỏe chứ không làm cho nạn nhân bị chết.

Thứ hai, dấu hiệu chủ thể của các tội phạm được thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Theo Luật hình sự Việt Nam, chủ thể của tội phạm được hiểu là con người cụ thể đã thực hiện hành vi phạm tội ở thời điểm họ có năng lực TNHS và đạt độ tuổi chịu TNHS theo quy định của pháp luật. Cũng như các tội phạm khác, chủ thể của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là chủ thể thường, chỉ cần là người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định.

Năng lực TNHS là năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Năng lực TNHS là điều kiện cần thiết để có thể xác định một người có lỗi hay không khi họ thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Chỉ có người có năng lực TNHS mới có thể là chủ thể của tội phạm. Người có năng lực TNHS là người khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi, có khả năng điều khiển được hành vi ấy. Người có năng lực TNHS theo luật Hình sự Việt Nam là người đạt độ tuổi chịu TNHS (Điều 12 Bộ luật hình sự năm 1999) và không thuộc trường hợp ở trong tình trạng không có năng lực TNHS (Điều 13 Bộ luật hình sự năm 1999).

Tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh đòi hỏi người phạm tội cũng phải là người có năng lực TNHS, tức là khi thực hiện hành vi phạm tội họ có khả năng nhận thức được hành vi tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật ngăn cấm và họ có khả năng điều khiển, kiểm chế hành vi của mình để không thực hiện hành vi nguy hiểm đó nhưng họ vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

Chủ thể của tội phạm là những người có năng lực trách nhiệm hình

sự, đạt độ tuổi luật định và đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể. Như vậy, chủ thể của tội này là những người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt đến một độ tuổi luật định (từ đủ 16 tuổi trở lên). Tuy nhiên trong trường hợp tội này còn có thêm điều kiện: người phạm tội phải phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Để đáp ứng đủ điều kiện này thì cần có những dấu hiệu sau:

- Phải có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân;
- Trạng thái tinh thần của người khi thực hiện tội phạm là bị kích động mạnh;
- Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân phải là nguyên nhân làm cho người phạm tội bị kích động mạnh về tinh thần.

Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về tuổi chịu TNHS: “1. *Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm; 2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*” [26, Điều 12]. Như vậy, đối với tội giết người trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh (Điều 95 Bộ luật hình sự), mức hình phạt cao nhất ở khoản 1 là 3 năm tù, ở khoản 2 là 7 năm tù nên chủ thể của tội phạm này phải là người từ đủ 16 tuổi trở lên. Tương tự như thế, đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 105 Bộ luật hình sự), mức hình phạt cao nhất tại khoản 1 là 2 năm tù, ở khoản 2 là 5 năm tù, nên chủ thể của tội phạm này phải là người từ đủ 16 tuổi trở lên.

Như vậy, theo điều 95 và Điều 105 Bộ luật hình sự, chủ thể của tội phạm này phải là người từ đủ 16 tuổi trở lên.

Thứ ba, dấu hiệu mặt chủ quan của các tội phạm được thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Lỗi là dấu hiệu bắt buộc thuộc mặt chủ quan của các tội thực hiện

trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh cũng như trong mặt chủ quan của mọi cấu thành tội phạm. Lỗi trong cấu thành các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có thể là lỗi cố ý trực tiếp hoặc lỗi cố ý gián tiếp. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 9 Bộ luật hình sự thì lỗi cố ý trực tiếp của tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là trường hợp người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả có thể hoặc tất yếu xảy ra và vì mong muốn hậu quả nên đã thực hiện tội phạm. Lỗi cố ý gián tiếp của tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là trường hợp người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả có thể xảy ra tuy không mong muốn nhưng có ý thức để mặc cho hậu quả đó xảy ra.

Đối với tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì người phạm tội thực hiện tội phạm khi có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với họ hoặc người thân thích của họ làm tinh thần của họ bị kích động mạnh dẫn tới hành vi phạm tội. Người phạm tội không hề có sự chuẩn bị trước về tinh thần cũng như công cụ, phương tiện phạm tội. Do vậy, lỗi của người phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh dù là lỗi cố ý trực tiếp hay gián tiếp đều có đặc điểm chung là lỗi cố ý và cố ý một cách đột xuất.

Động cơ và mục đích phạm tội của người phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm của các tội thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Tuy nhiên, căn cứ tình tiết định tội của những tội này, (*người phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó*) nên có thể hiểu, động cơ thúc đẩy họ phạm tội là để trả thù lại hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó.

Thứ tư, dấu hiệu mặt khách quan của các tội phạm được thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của tội phạm bao gồm các dấu hiệu biểu hiện tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan bao gồm: hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ giữa hành vi và hậu quả nguy hiểm cho xã hội, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh phạm tội...

Hành vi khách quan của phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh chính là hành vi tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác, hành vi có khả năng gây ra cái chết cho con người, chấm dứt sự sống của họ hoặc hành vi gây thương tích, tổn hại sức khỏe người khác. Hành vi có khả năng gây ra cái chết hoặc thương tích cho con người có thể là hành động như: hành động bắn, đâm, chém... của người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh đối với nạn nhân.

Hậu quả mà do hành vi khách quan nói trên gây ra là hậu quả chết người hoặc thương tích. Đây là một dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Hậu quả chết người hay thương tích phải xảy ra đối với chính người đã có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc với người thân thích của người phạm tội.

Nạn nhân của tội giết người (Điều 93 Bộ luật hình sự), tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác (Điều 104 Bộ luật hình sự) là bất kỳ người nào thì nạn nhân của tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh bắt buộc phải là người đã thực hiện hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội. Ví dụ: khi đi làm về đến nhà ông A thấy B con trai mình đang trong tình trạng say rượu và đập phá đồ đạc của gia đình (B đã lớn

nhưng không tập trung học hành mà luôn chơi bời, rượu chè. Khi không có tiền ăn chơi B về nhà xin bố mẹ, không xin được tiền B đập phá đồ đạc, thậm chí còn đánh đập mẹ B) khi thấy vậy ông A vào bếp cầm con dao chạy đến nói “mày có dừng lại không?” B tiếp tục đập phá. Ông A cầm dao định chém B thì mẹ B thấy vậy ra can ngăn bị ông A chém vào gáy với tỷ lệ thương tật 40%. Với hành vi này ông A phạm tội cố ý gây thương tích được quy định tại điều 104 Bộ luật hình sự.

Mặc dù khi thực hiện tội phạm trạng thái tinh thần của ông A bị kích động mạnh, ông A không kiểm chế và điều khiển được hành vi của mình song mẹ B không phải là người có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng không gây nên trạng thái tinh thần bị kích động cho ông A. Do vậy, hành vi phạm tội của ông A không thuộc trường hợp phạm tội trong trường hợp tinh thần bị kích động mạnh.

Nạn nhân ở đây phải là cá nhân con người cụ thể chịu thiệt hại trực tiếp về tính mạng và sức khỏe do hành vi của người phạm tội gây ra. Mà cụ thể là nạn nhân bị chết (do hành vi giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh) hoặc nạn nhân bị thương tật, tổn hại sức khỏe trên 31% (do hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh).

1.4.2. Các quy định riêng về các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được Bộ luật hình sự 1999 quy định tại hai điều: Điều 95 – tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và Điều 105 – tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Ngoài các dấu hiệu chung được phân tích ở mục 1.4.1 thì việc phân biệt hai tội này cần dựa vào những dấu hiệu riêng và những quy định riêng trong mặt khách quan của tội phạm.

Thứ nhất, quy định về mặt hậu quả của các tội phạm được thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Theo quy định hiện hành, căn cứ vào bản chất của “trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” giữa hai tội không thể phân biệt được khi dựa vào dấu hiệu chủ quan, nghĩa là dựa vào lỗi của người phạm tội đối với hậu quả. Bởi vì, như đã phân tích người phạm tội không nhận thức rõ hành vi của mình có thể gây ra hậu quả cụ thể nào (chết người hay thương tích /tổn hại sức khoẻ). Khi thực hiện hành vi, họ chỉ nhận thức một cách khái quát về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình cũng như hậu quả từ hành vi đó gây ra. Thực tế xảy ra hậu quả gì, họ chấp nhận hậu quả đó. Do đó, chỉ có thể phân biệt hai CTTTP này thông qua dấu hiệu hậu quả. Nếu hậu quả chết người xảy ra có mối quan hệ nhân quả với hành vi phạm tội, đó là Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Nếu hậu quả xảy ra chỉ là thương tích, đó là Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Thứ hai, quy định về hình phạt áp dụng của các tội phạm được thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Vì hậu quả tội phạm khác nhau, mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau nên trách nhiệm hình sự theo đó cũng khác nhau đối với hai tội trên. Cụ thể:

Đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh Điều 95 Bộ luật hình sự quy định:

Người nào giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Giết nhiều người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, thì bị phạt tù từ ba năm đến bảy năm [26, Điều 95].

Cho nên, giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là

trường hợp người phạm tội đã cố ý gây ra cái chết cho nạn nhân trong tình trạng khả năng nhận thức và kiểm chế đều bị hạn chế ở mức độ rất cao và hơn nữa tình trạng này lại do nạn nhân gây ra.

Trong trường hợp chỉ có một người bị giết thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 95 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ sáu tháng đến ba năm, là tội phạm ít nghiêm trọng. So với quy định tại khoản 3 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 1985 thì quy định tại khoản 1 Điều 95 nhẹ hơn. Giết nhiều người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là trường hợp có từ hai người trở lên bị giết đều có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội.

Nếu chỉ có một người có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội, còn những người khác không có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội, thì người phạm tội bị truy cứu về hai tội: Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và tội "giết người" theo quy định tại Điều 93 Bộ luật hình sự.

Nếu có nhiều người có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội, nhưng chỉ có một người bị giết chết, còn những người khác chỉ bị thương và có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên thì người phạm tội bị truy cứu về hai tội: tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo khoản 1 Điều 95 và tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo Điều 105 Bộ luật hình sự

Bộ luật hình sự quy định:

Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% trong

trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến hai năm. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm: a) Đối với nhiều người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác [26, Điều 105].

Cho nên, Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là hành vi của một người cố ý làm cho người khác bị thương hoặc tổn hại đến sức khỏe do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó.

Đây là tội phạm được tách từ khoản 4 Điều 109 Bộ luật hình sự năm 1985 và được cấu tạo lại cho phù hợp với thực tiễn xét xử và các hướng dẫn của các cơ quan bảo vệ pháp luật ở trung ương. Tại khoản 1 điều 105 quy định trong trường hợp cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% thì mới phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt áp dụng là cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến hai năm. Như vậy, nếu với tỷ lệ thương tật dưới 31% thì người phạm tội sẽ không bị truy cứu về tội trên. Từ quy định trên cho thấy việc xác định có hay không việc cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có ý nghĩa quan trọng như thế nào. Việc xác định sai có thể dẫn đến một là oan sai hai là bỏ lọt tội phạm.

Hình phạt tù từ một năm đến năm năm được áp dụng với hai trường

hợp đó là cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh trường hợp thứ nhất là với nhiều người trường hợp thứ hai là gây tỷ lệ thương tật trên 61% hoặc dẫn đến chết người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác.

Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của từ hai người trở lên và mỗi người đều phải có tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%. Hai người trở lên bị thương tật từ 31% đến 60% đều phải là người có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội. Nếu chỉ có một người có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội, còn những người khác không có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội, thì người phạm tội bị truy cứu về hai tội: Tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và tội "cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác" theo quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự.

Trường hợp gây hậu quả chết người cũng tương tự như trường hợp phạm tội quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự. Người bị hại bị chết là do chính vết thương mà người phạm tội đã gây ra, nhưng người phạm tội hoàn toàn không mong muốn và cũng không bỏ mặc, tức là không có căn cứ để xác định thuộc trường hợp giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh quy định tại Điều 95 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, việc phân biệt trường hợp nào là cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dẫn đến chết người, còn trường hợp nào là giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh không đơn giản, vì một người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh rất khó xác định mục

đích của họ có mong muốn hoặc bỏ mặc cho hậu quả xảy ra hay không. Do đó chỉ nên coi là cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dẫn đến chết người nếu người bị hại không chết ngay mà sau một thời gian nhất định, người bị hại đã được cứu chữa nhưng do vết thương quá nặng nên đã chết.

Tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mà tỷ lệ thương tật của nạn nhân từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết một người không thể nghiêm trọng bằng trường hợp giết một người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được, nhưng khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 105 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định bị kích động mạnh dẫn đến chết người lại nặng hơn khung hình phạt của khoản 1 Điều 95 Bộ luật hình sự năm 1999 như vậy là không hợp lý. Do vậy, cần phải có sự chỉnh sửa lại cho hợp lý hơn.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI PHẠM THỰC HIỆN TRONG TRẠNG THÁI TINH THẦN BỊ KÍCH ĐỘNG MẠNH VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

2.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tội được thực hiện trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh từ năm 2010 đến 2014

2.1.1. Tình hình xét xử của Tòa án về các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Tính mạng, sức khỏe là tài sản quý giá nhất, là phần bất khả xâm phạm của mỗi con người. Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước và các đoàn thể, cơ quan, tổ chức đã thể hiện sự quan tâm qua hàng loạt các quy định và các biện pháp chế tài áp dụng đối với các hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của con người. Tuy nhiên, các hành vi liên quan đến tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh vẫn đang có những diễn biến phức tạp trong xác định tội danh và khung hình phạt.

Theo thống kê của tòa án nhân dân tối cao, trong 5 năm từ năm 2010 đến 2014 đã xét xử 119 vụ với 137 bị cáo về tội giết người trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh. Trung bình mỗi năm có 23,8 vụ với 27,4 bị cáo được đưa ra xét xử về tội danh này. Nếu so sánh với các vụ án xâm phạm tính mạng con người thì số lượng các vụ án hình sự về tội giết người trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh chiếm tỷ lệ vô cùng nhỏ. Tuy nhiên, việc đưa ra xét xử với tổng số 119 vụ với 137 bị cáo của tòa án có tầm quyền thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật trong xử lý các vụ án hình sự theo tội danh này, có ý nghĩa giáo dục, phòng ngừa tội phạm.

Có thể tham khảo từng năm theo bảng thống kê dưới về số lượng các vụ án hình sự về tội giết người trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh bị đưa ra xét xử.

Bảng 2.1: Số lượng vụ án hình sự và số lượng bị cáo được đưa ra xét xử về tội giết người trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh

<i>Stt</i>	<i>Năm</i>	<i>Số lượng vụ án về tội giết người theo Điều 95 được đưa ra xét xử</i>	<i>Số lượng bị cáo về tội giết người theo Điều 95 được đưa ra xét xử</i>
1	2010	21	30
2	2011	15	17
3	2012	24	25
4	2013	32	35
5	2014	27	30
<i>Tổng số</i>		119	137
<i>Trung bình mỗi năm</i>		23,8	27,4

(Nguồn: tòa án nhân dân tối cao)

Theo bảng 1, số lượng các vụ án hình sự và số lượng bị cáo bị đưa ra xét xử về tội giết người trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh theo Điều 95 BLHS không đều nhau. Năm nhiều nhất có 32 vụ án với 35 bị cáo (năm 2013); năm ít nhất có 15 vụ án với 17 bị cáo (năm 2011). Theo Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án tội giết người trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh theo Điều 95 BLHS.

Nói chung Tòa án nhân dân cấp tỉnh, khi đưa vụ án loại này ra xét xử đã xác định đúng tội danh và áp dụng hình phạt phù hợp theo quy định của pháp luật. Ví dụ vụ án bị cáo Trần Văn Nam về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh xảy ra tại tỉnh Quảng Nam. Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, năm 2006, Trần Văn Nam (SN 1979 quê ở xã Nam Trung, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình) và Phạm Thị Hân (SN 1986 trú tại xã Bình Lâm huyện Hiệp Đức) đã có quan hệ vợ chồng, đăng ký kết hôn và có một con chung. Khoảng tháng 6/2012, Hân có

quan hệ tình cảm yêu đương với Nguyễn Văn Dương (SN 1966 trú tại xã Tiên Cẩm, huyện Tiên Phước), Nam nhiều lần khuyên nhủ Hân, nhưng không thể duy trì được quan hệ vợ chồng như trước. Khoảng tháng 6/2013, Nam về Thái Bình sinh sống, thỉnh thoảng vào lại Quảng Nam thăm con. Trong thời gian Nam ở lại Quảng Nam thăm con thì Dương thường xuyên gọi điện, nhắn tin xúc phạm, đe dọa giết, làm cho Nam bị ức chế, đè nén tinh thần. Khi biết được Dương và Hân thường hay hẹn hò gặp nhau tại nhà nghỉ Tám Hoa, xã Bình Lâm, Hiệp Đức, Nam phục sẵn dưới giường của nhà nghỉ Tám Hoa. Khi thấy Hân và Dương đi vào phòng thì Nam sôi sục ý định giết Dương, nhưng quyết định đợi khi 2 người quan hệ tình dục thì sẽ bắt quả tang và giết Dương. Vào khoảng 23h30 ngày 20/9/2014, khi Dương đi vào phòng vệ sinh thì Nam dùng tay phải đâm vào mặt, sau đó, dùng dao đâm nhiều nhát vào người Dương làm nạn nhân chết tại chỗ. Hội đồng xét xử nhận định bị cáo Trần Văn Nam đã phạm vào tội giết người trong trạng thái tinh bị kích động mạnh. Áp dụng khoản 1 điều 95; điểm b, p, khoản 1, khoản 2 điều 46 của bộ luật Hình sự, phiên tòa tuyên phạt bị cáo Trần Văn Nam 36 tháng tù giam. Đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường các khoản thiệt hại cho gia đình người bị hại theo quy định pháp luật [28].

Theo thống kê của tòa án nhân dân tối cao, trong 5 năm từ năm 2010 đến 2014 đã xét xử 97 vụ với 107 bị cáo về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo Điều 105 BLHS. Tính trung bình, mỗi năm tòa án nhân dân có thẩm quyền đưa ra xét xử 19,4 vụ với 21,4 bị cáo về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Nếu so sánh số lượng vụ án hình sự về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo Điều 104 BLHS thì số lượng vụ án hình sự về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn

hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo Điều 105 BLHS xảy ra hàng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Có thể tham khảo số lượng vụ án và số lượng bị can bị đưa ra xét xử hàng năm theo bảng thống kê dưới đây:

Bảng 2.2: Số lượng vụ án hình sự và số lượng bị cáo được đưa ra xét xử về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh

<i>Stt</i>	<i>Năm</i>	<i>Số lượng vụ án</i>	<i>Số lượng bị cáo</i>
1	2010	29	30
2	2011	12	12
3	2012	16	17
4	2013	17	19
5	2014	23	29
<i>Tổng số</i>		<i>97</i>	<i>107</i>
<i>Trung bình mỗi năm</i>		<i>19,4</i>	<i>21,4</i>

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

Tương tự như số lượng vụ án và số lượng bị cáo bị đưa ra xét xử về tội giết người trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh, số lượng vụ án và số lượng bị cáo bị đưa ra xét xử về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh cũng không đều nhau từng năm. Năm số lượng vụ án hình sự và số lượng bị cáo bị đưa ra xét xử nhiều nhất có 29 vụ án với 30 bị cáo (năm 2010); năm ít nhất có 12 vụ án với 12 bị cáo (năm 2011). Theo Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh theo Điều 105 BLHS. Nói chung, việc tòa án nhân dân có thẩm quyền đưa vụ án hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn

hại cho sức khỏe người khác trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh đã góp phần quan trọng trong xử lý đúng người, đúng tội và có ý nghĩa phòng ngừa tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, trong quá trình đưa ra xét xử các vụ án về tội phạm được thực hiện trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh, cụ thể là hai tội được quy định tại Điều 95 và Điều 105 đang có những vướng mắc và tồn tại sau đây:

Những người tiến hành tố tụng nói chung (Điều tra viên, Kiểm sát viên) chưa xem xét đầy đủ các dấu hiệu phản ánh về tình trạng thần kinh bị kích động mạnh để định tội danh. Chưa xem xét đầy đủ các dấu hiệu phản ánh về tình trạng thần kinh bị kích động mạnh để định tội danh có phải là tội giết người trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh hay tội giết người; hoặc là có phải là tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh hay tội hay tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác. Như phần trên đã trình bày, để xác định tình trạng thần kinh bị kích động mạnh thì phải có đủ các dấu hiệu như: phải có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân; trạng thái tinh thần của người khi thực hiện tội phạm là bị kích động mạnh; hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân phải là nguyên nhân làm cho người phạm tội bị kích động mạnh về tinh thần. Tuy nhiên, thực tế vận dụng được những dấu hiệu này là khó nên đã dẫn đến định tội danh không đúng. Ví dụ, vụ án Đại úy Cảnh sát giao thông bắn chết Trạm phó Trại Cảnh sát giao thông tại tỉnh Đồng Nai. Theo cáo trạng, chiều 22/9/2013, trong lúc cùng đi hát karaoke tại thị xã Long Khánh, thiếu tá Trần Ngọc Sơn (trạm phó) đã giới thiệu người bạn của mình là Trương Thành Chí với đại úy Cảnh sát giao thông trạm Suối Tre (Đồng Nai) Ngô Văn Vinh. Trong lúc chào hỏi xảy ra mâu thuẫn, Chí đập ly bia vào mặt Vinh gây thương tích. Đại úy Vinh quay sang trách thiếu tá Sơn không đứng về phía mình lại đi bênh

người ngoài. Vinh sau đó bỏ về trạm Suối Tre lấy súng, lên đạn sẵn đi tìm thiếu tá Sơn để "nói chuyện tiếp" nhưng không gặp. Khoảng 17h cùng ngày, ông Sơn về cơ quan, biết cấp dưới mang súng đến tìm mình nên tỏ ra tức giận. Tới phòng Vinh nói, thiếu tá Sơn nói, “Vinh đen, mày kiếm tao, mày ngon bắn tao đi” rồi đấm 3 cái vào mặt, đầu người này. Trong lúc giằng co, Vinh bóp cò khiến viên đạn trúng hông thượng úy Đoàn Thanh Phú khi vào can ngăn. Thêm 2 phát súng vang lên, đạn trúng thiếu tá Sơn. Lúc này, Chí và một số người chạy vào thấy ông Sơn nằm gục dưới nền nhà nên đã đánh Vinh, giằng lại khẩu súng. Thiếu tá Sơn tử vong sau đó còn thượng úy Phú bị thương tật 15%. Trong lúc không chế Vinh, Chí được cho là đã đánh viên đại úy gây thương tích 40%. Đại úy Vinh bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố về tội Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xác định, Đại úy Vinh phạm tội giết người chứ không phải tội giết người trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh nên đã trả hồ sơ điều tra lại và truy tố Vinh về tội Giết người vì Đại úy Vinh đã lấy súng, lên đạn sẵn đi tìm thiếu tá Sơn để "nói chuyện tiếp" nhưng không gặp, có nghĩa đã có ý định giết Thiếu tá Sơn trước khi bị Sơn đấm đấm 3 cái vào mặt. Sau đó Vinh bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 9 năm tù về tội giết người [8].

Còn có tình trạng những người tiến hành tố tụng nói chung và thẩm phán nói riêng chưa nắm vững về tình tiết tình trạng thần kinh bị kích động mạnh nên chưa xem xét toàn diện nội dung vụ án, làm ảnh hưởng đến việc quyết định hình phạt. Ví dụ, vụ án hình sự xảy ra tại địa bàn tỉnh Quảng Nam: Hà Quốc Huy và Nguyễn Quốc Việt đều là học sinh lớp 11G. Trong thời gian từ ngày 23 đến ngày 27/9/2006, trên đường đi học, Nguyễn Quốc Việt đã nhiều lần chặn đánh Huy, bắt Huy phải đưa tiền cho Việt. Huy và gia đình đã gửi đơn tố cáo đến chính quyền địa phương, nhưng không được giải quyết.

Sáng 28/9/2006 trước khi đi học, Huy đã mang theo 01 con dao nhọn, mục đích để phòng thân. Khi đến cổng trường học, Huy lại bị Nguyễn Quốc Việt chặn đánh, bắt phải đưa tiền và sau khi vào lớp Việt lại tiếp tục có lời nói đe dọa Huy. Do bức xúc về việc làm của Việt nên khi hết giờ ra chơi, Huy đã dùng dao đâm Nguyễn Quốc Việt bị thương tích, tổn hại 41% sức khỏe. Với nội dung vụ án nêu trên, có nhiều quan điểm và ý kiến trái ngược nhau về việc định tội danh đối với Huy. Quan điểm thứ nhất cho rằng: Hành vi của Hà Quốc Huy được thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân theo quy định 2 tại Điều 105 BLHS. Theo quan điểm này, nguyên nhân dẫn đến việc Huy phạm tội là do Việt đã liên tục, nhiều lần chặn đánh, đòi tiền Huy. Mặc dù, Huy và gia đình đã trình báo chính quyền địa phương, song không những Việt không chấm dứt, mà còn tiếp tục thực hiện hành vi nêu trên nhiều lần nữa. Hành vi của Việt là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng. Chính vì vậy, việc Huy thực hiện hành vi nêu trên được xem là phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân theo quy định tại điều 105 BLHS. Theo quan điểm thứ hai, Huy đã phạm tội cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 3, Điều 104 BLHS. Hành vi của Huy có bị kích động nhưng không thuộc trường hợp bị kích động mạnh. Bởi lẽ, hành vi của Việt tuy có trái pháp luật nghiêm trọng nhưng đã chấm dứt trước đó. Việc Huy sau đó cầm dao đâm gây thương tích cho nạn nhân chỉ được xem là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 46 BLHS. Khi thực hiện hành vi gây thương tích cho Việt, Huy hoàn toàn có đủ khả năng kiềm chế, kiểm soát hành vi của mình. Vì vậy Huy phải bị truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 104 BLHS. Theo Th.S Nguyễn Thanh Mai “*Bàn về áp dụng pháp luật đối với những hành vi cố ý gây thương tích theo quy định của Bộ luật hình sự*” thì để đánh giá thế nào là trường hợp

phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, cần xem xét vấn đề này trên hai góc độ: thế nào là trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và thế nào là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân. Đây là vấn đề đang còn tồn tại trong thực tế áp dụng pháp luật.

Việc thiết lập chứng cứ chứng minh tình tiết phạm tội trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh rất khó khăn vì trong nhiều trường hợp, chỉ căn cứ vào lời khai của người phạm tội mà không có chứng cứ khác. Ví dụ, vụ án xảy ra tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, bản án sơ thẩm được tóm tắt như sau: Chiều ngày 21/09/2013 Nguyễn Thị Hương Lan cùng chồng là Nguyễn Đức Bản và con là Nguyễn Thị Thu Hà ăn cơm ở nhà bố mẹ chồng là ông Nguyễn Đức Bàn (nhà ông Bàn giáp nhà Lan). Đến khoảng 20h cùng ngày cả ba vợ chồng con cái đi về nhà. Khoảng 22h cùng ngày anh Bản đi sang nhà ông Bàn để hút thuốc Lào, sau đó anh Bản về nhà đi ngủ, vợ chồng Lan có quan hệ tình dục 2 lần. Đến khoảng 23h30p cùng ngày anh Bản lại tiếp tục tục quần Lan và đòi quan hệ tình dục, nhưng Lan không đồng ý và nói với anh Bản: “em hỏi anh thật anh Bản nhé trong đầu anh em là vợ hay là con gì”, anh Bản trả lời: “chả là vợ thì là cái gì”, Lan lại nói tiếp: “nếu thật sự trong anh có em thì anh có xử sự thế này không hả anh Bản, nếu anh có một chút tự trọng của một thằng đàn ông thì anh xử sự với em như thế này đến con vật còn khi nó không đồng ý thì con đực cũng không bao giờ dồn theo, bao nhiêu năm nay anh cư xử với em như thế này bố mẹ biết hết rồi, anh có muốn cả họ biết không, càng ngày anh càng quá quắt, anh đừng để em cư xử như thằng bạn nói khổ của anh, đang đêm vợ đem chăn sang nhà khác ngủ để rùi đẹp mặt, em không hiểu anh là người hay là loại gì nữa”, anh Bản nói: “tao mà đã thích thì trời tao cũng hạ, là vợ tao phải theo tao”. Anh Bản ngồi dậy dùng tay tục quần Lan xuống đầu gối rồi cầm chân Lan nhấc lên đặt vào bên trong gôn cửa sổ, thấy thế Lan vùng dậy, anh Bản đè Lan xuống và quỳ hai chân sang

hai bên người Lan, Lan dùng tay khua sang bên cháu Hà đang ngủ gọi: “ Hà ơi”, thấy Lan gọi con, anh Bản dùng tay bóp cổ Lan không cho gọi, Lan gỡ tay anh Bản, anh Bản nắm tóc Lan đồng thời ngòì lên phía ngực Lan, hai đầu gối kẹp vào hai tay Lan và đưa dương vật vào mồm, vào mắt, vào mũi Lan, Lan rút được hai tay đẩy vào người anh Bản, anh Bản kéo Lan xuống nền nhà, đầu quay ra giữa nhà, chân quay về phía tủ tường. Lan bị đau có chửi anh Bản, anh Bản vừa nói vừa đưa dương vật vào âm đạo của Lan và quan hệ tình dục, được một lúc thì Lan nói: “ Bỏ tao ra đau quá” rồi đẩy và giãy dụa, anh Bản không quan hệ tình dục nữa và dùng tay túm tóc Lan rồi tát Lan mấy cái rồi lại đưa dương vật vào mắt Lan. Lan đưa tay phải lên hướng đầu sờ thấy một đoạn gậy trụ hình tròn dài 59cm, một đầu có đường kính 05cm, một đầu 06cm, lúc này anh Bản ngòì quỳ giữa hai chân của Lan, Lan nói: “Có bỏ ra không”, đồng thời dùng đoạn gậy đánh 1 cái vào mặt anh Bản, anh Bản dùng tay bịt miệng và nói giết Lan. Anh Bản nắm tóc và đập đầu Lan xuống nền nhà, Lan rơi gậy, dùng chân đạp anh Bản, anh Bản kéo chân Lan đập đầu xuống nền nhà và chân anh Bản đạp vào bộ phận sinh dục của Lan, Lan bị đau, nhồm dẫy cầm đoạn gậy lúc trước đánh vào đầu anh Bản 2 đến 3 cái, Lan vừa đánh vừa nói: “Anh hành hạ tôi thế này à”. Anh Bản gục xuống nền nhà, Lan bò đến gần anh Bản và gọi: “Anh Bản ơi, anh đừng làm em sợ”, Lan kéo quần của Lan lên và kéo quần của anh Bản, Lan ngòì một lúc thấy anh Bản động dẫy, Lan gọi cháu Hà dậy và bảo đi gọi ông bà nội sang bố cháu bị ngã, lúc cháu Hà đi gọi ông bà nội, Lan cầm đoạn gỗ chạy ra góc sân gần bếp ném xuống ao nhà anh Tiến.Sau đó, Lan cùng gia đình anh Bản đưa anh Bản đi cấp cứu tại bệnh viện huyện Cẩm Khê và bệnh viện tỉnh Phú Thọ. Đến khoảng 12h ngày 22/09/2013 thì anh Bản tử vong. Gia đình báo cáo công an giải quyết. Tại bản giám định số 164 ngày 24/09/2013 của trung tâm giám định pháp y tỉnh Phú Thọ kết luận: “nguyên nhân tử vong của anh Bản là do

chấn thương sọ não kín, nứt vỡ phức tạp xương... bên trái tụ máu nội sọ, suy hô hấp, suy tuần hoàn máu không hồi phục”. Tại bản cáo trạng số 21 ngày 20/02/2014 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê truy tố: Nguyễn Thị Hương Lan về tội “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo khoản 2 Điều 105 Bộ luật hình sự.

Tại bản án số 19/2014/HSST ngày 27/03/2014 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê – tỉnh Phú Thọ đã quyết định: Tuyên: Nguyễn Thị Hương Lan 05 năm tù với tội: “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” áp dụng khoản 2 Điều 105, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tại bản án phúc thẩm số: 39/2014/HSPT ngày 01/07/2014 Hội đồng xét xử không cùng quan điểm với bản án xét xử sơ thẩm. Bản án xét xử phúc thẩm nhận định rằng: Đây là vụ án về mặt chứng cứ tương đối phức tạp, trong hồ sơ thể hiện không ai được chứng kiến khi sự việc xảy ra, tất cả đều chỉ biết kể từ khi hậu quả xảy ra. Duy nhất có lời khai của bị cáo và lời khai của cháu Nguyễn Thị Thu Hà sinh năm 2004 (là con của bị cáo và nạn nhân) nhưng ở đây lời khai của cháu Hà chỉ được chứng kiến khi anh Bản đã bị đánh nằm dưới đất mà không biết được rằng trước thời gian đó sự việc xảy ra như thế nào. Lời khai của bị cáo có thể coi là chứng cứ mang tính có căn cứ pháp lý đáng tin cậy hay không? Đó là một điều không thể chắc chắn trong vụ án. Lời khai của bị cáo thể hiện trong suốt quá trình điều tra đến tại phiên tòa còn chưa thống nhất ở chỗ, ngày lúc đầu anh Bản bị thương tích và tử vong bị cáo khai tại cơ quan điều tra là anh Bản bị ngã, sau đó bị cáo lại khai do anh Bản là chồng của bị cáo bắt bị cáo quan hệ tình dục nhiều lần trong một đêm, bị cáo đang bị bệnh không muốn điều đó xảy ra, anh Bản đánh bị cáo bằng hành động túm tóc, bóp cổ. đập đầu bị cáo xuống đất hoặc dùng dương vật của anh Bản nhét vào mồm, vào mắt... bị cáo. Nên bị cáo rất bức xúc cầm được cây gậy đánh anh Bản bị thương và tử vong. Như vậy, có thể thấy lời khai của bị

cáo là không ổn định nhưng rõ ràng từ bản kết luận điều tra của cơ quan điều tra huyện Cẩm Khê và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê cũng như bản án sơ thẩm đã hoàn toàn căn cứ vào lời khai của bị cáo mà chưa đánh giá chứng cứ logic liên quan trong vụ án để làm rõ nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo. Cấp sơ thẩm đã khởi tố, truy tố và xét xử bị cáo Nguyễn Thị Hương Lan về tội: “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh “tại khoản 2 Điều 105 Bộ luật hình sự là chưa có căn cứ. Thực tế trong vụ án này như phân tích ở trên, chỉ có duy nhất lời khai của bị cáo, việc xác định nguyên nhân, mục đích, động cơ của bị cáo chưa được rõ ràng nên việc xác định lỗi của nạn nhân ở đây chưa có căn cứ nào khẳng định do lỗi của nạn nhân đã kích động mạnh đến tinh thần của bị cáo, nên bị cáo mới hành động như đã khai và cũng không có bằng chứng nào thể hiện anh Bản có hành động gì trái pháp luật, trái đạo đức xã hội ngoài lời khai của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận khi sự việc xảy ra, công an huyện, công an xã cùng gia đình anh Bản có đưa bị cáo đến trạm xá xã khám thân thể thì không có một thương tích gì trên người của bị cáo Lan. Điều đó chứng tỏ không thể khẳng định lỗi của nạn nhân trong vụ án này nhưng bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hương Lan phạm tội: “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” là chưa có căn cứ pháp lý. Đây là loại tội đặc thù mà trong Điều 105 Bộ luật hình sự đã quy định. Điều kiện của loại tội này bắt buộc phải chứng minh được lỗi của nạn nhân, nhưng phải là lỗi nghiêm trọng. Cũng như tính chất kích động trong sự việc để dẫn đến hành vi trái pháp luật của bị cáo. ở đây bị cáo nêu ra rằng: bị cáo bị bệnh không được quan hệ nhiều lần, nhưng sao khi thấy anh Bản có hành vi như vậy bị cáo không chọn phương pháp nào khác để ngăn cản mà lại dùng gậy đánh anh Bản đến tử vong. Bản án phúc thẩm đã quyết định hủy bản án sơ thẩm số 19 ngày 27/03/2014 của tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê. Như

vậy, trong một vụ án quan điểm xét xử của cấp sơ thẩm và phúc thẩm là khác nhau về việc có hay không việc thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Điều đó cho thấy trong thực tế việc xác định loại tội này không dễ dàng nếu không có sự thu thập, đánh giá chứng cứ một cách chính xác. Theo ý kiến tác giả luận văn, thì việc cấp sơ thẩm xác định hành vi phạm tội của bị cáo Lan là cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là chưa chính xác. Thứ nhất: như phân tích tại bản án phúc thẩm thì việc tòa án cấp phúc thẩm chỉ dựa vào lời khai của bị can làm căn cứ định tội là chưa đúng. Một số chứng cứ quan trọng chưa được làm rõ, các dấu vết tại hiện trường chưa được thu thập, đánh giá nên không thể xác định chính xác lời khai của bị cáo là đúng sự thật vụ án. Thứ hai: hành vi của nạn nhân như lời bị cáo khai thì chưa phải là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng và nếu có thì tinh thần của bị cáo chỉ bị kích động chứ chưa đến mức kích động mạnh mà không điều khiển và kiềm chế được hành vi của mình. Hành vi dùng gậy đập vào đầu của anh Bản không diễn ra liên tiếp mà là hai thời điểm khác nhau và nếu với sức lực của một người đàn ông (70kg) thì chị Lan không thể đánh đến mức nạn nhân tử vong được. Trong trường hợp đó, bị cáo Lan hoàn toàn có thể lựa chọn một cách xử sự khác gây ít nguy hiểm hơn cho nạn nhân. Hành vi của bị cáo là cố ý tước đoạt tính mạng của chồng mình nên thuộc trường hợp giết người theo quy định tại Điều 93 Bộ luật hình sự 1999.

Nhận định, đánh giá về hành vi phạm tội trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh thông qua xét xử thường có nhiều ý kiến không đồng nhất, và thường gây nên những tranh luận mà khó có thể xác định đúng hay sai. Điều này thường gây nên dự luận xã hội không tốt. Ví dụ, vụ án xảy ra tại tỉnh Sóc Trăng. Chiều ngày 12/4/2013, Nguyễn Kim Trúc nghe ông Đoàn Văn On (cha chồng) mắng chồng mình là Đoàn Văn Tân khi anh này đang cho heo ăn.

Thắc mắc chuyện cha hay la chòng mình, ông On ném đá rồi lấy chĩa và búa rượt, vợ chòng Trúc chạy ra ruộng ở ấp Trường Hưng, xã Trường Khánh (Long Phú, Sóc Trăng). Chạy được khoảng 100 m, anh Tân ngã. Ông On đè lên người con trai, vừa đánh vừa nói "hôm nay tao giết vợ chòng mày". Thấy tính mạng chòng bị đe dọa, Trúc kéo ông On ra nhưng không được. Trong lúc bức bách, Trúc quay vào chuồng heo rút cây chĩa kẹp trên vách chạy ra đâm vào lưng cha chòng. Ông On dùng tay bịt vết thương chạy vào nhà, được người thân đưa đi cấp cứu nhưng đã tử vong 4 ngày sau đó. Xung quanh hành vi phạm tội của Nguyễn Kim Trúc có nhiều quan điểm khác nhau:

Quan điểm thứ nhất: theo đại diện của Viện kiểm sát, Trúc cầm chĩa hai tay, đâm nạn nhân với cường độ mạnh khiến ông On thủng phổi, thủng gan, rách cơ hoành dẫn đến tử vong do mất máu cấp. Đây là hành vi nguy hiểm gây ra cái chết cho nạn nhân sau 4 ngày cấp cứu nên Viện Kiểm sát cáo buộc Trúc phạm tội giết người theo quy định tại Điều 93 BLHS.

Quan điểm thứ hai: theo HĐXX, vài ngày trước khi đâm ông On, Trúc bị nạn nhân vô cớ ném đá gây thương tích nhưng chưa được cơ quan chức năng xử lý. Hôm xảy ra vụ án, nạn nhân là người có lỗi trước khi cầm hung khí rượt đuổi và dọa giết vợ chòng bị cáo. Khi anh Tân bị cha đè lên người trong tình trạng tính mạng đe dọa, Trúc quẫn bách và tinh thần kích động nên đâm ông On một cái chỉ để muốn giải cứu chòng. Từ đó, HĐXX cho rằng Trúc chỉ có hành vi cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và tuyên Nguyễn Kim Trúc 4 năm tù về tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Còn quan điểm thứ ba cho rằng, Trúc phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Chúng tôi không đồng ý với ý kiến của Viện kiểm sát khi cho rằng Trúc phạm tội giết người bởi vì: giết người là hành vi cố ý tước đoạt tính

mạng của người khác một cách trái pháp luật, nạn nhân có thể là bất kỳ ai. Tuy nhiên, ở đây Trúc đã phạm tội trong trường hợp nạn nhân có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng với chồng của mình: Ông On ném đá rồi lấy chĩa và búa rượt vợ chồng Trúc. Chạy được khoảng 100 m, anh Tân ngã, ông On đè lên con trai, vừa đánh vừa nói “hôm nay tao giết vợ chồng mày”. Từ đó có thể thấy, Trúc phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Chúng tôi cũng không đồng ý với quan điểm thứ ba cho rằng: Trúc phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, bởi lẽ: ông On không mất ngay sau khi bị đâm mà mất sau 4 ngày cấp cứu.

Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với quan điểm xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng là Trúc phạm tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo khoản 2 Điều 105 (dẫn đến chết người).

Trong thực tế so với các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thông thường khác thì đây là một tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong trường hợp đặc biệt, vì thế việc xác định tội này là rất khó khăn bởi nó liên quan đến tâm sinh lý của con người. Thực tế, chúng ta chưa xác định rõ ràng được giới hạn tâm sinh lý đến một mức nào là con người rơi vào trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, mà chúng ta mới chỉ đưa ra những định nghĩa mang tính chung chung, mơ hồ mà áp dụng phải trông chờ vào những trường hợp cụ thể để xét đến. Đặc biệt trong thực tế xét xử, để xác định loại tội này còn phụ thuộc nhiều vào ý kiến chủ quan của cơ quan tố tụng và những người tiến hành tố tụng.

2.1.2. Những nguyên nhân làm phát sinh những tồn tại trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Thứ nhất, quy định của pháp luật hình sự chưa rõ ràng, dẫn đến khó áp dụng pháp luật trong thực tiễn xét xử

Trong 20 năm đổi mới, luật hình sự Việt Nam thực sự đã có những thay đổi phát triển đáng kể. Tuy nhiên, trong sự phát triển đó còn có những hạn chế do yếu kém trong công tác lập pháp. Khi đổi mới để phát triển luật hình sự chúng ta chỉ chú trọng sửa đổi, bổ sung về nội dung của các quy định mà ít quan tâm đến kỹ thuật xây dựng các quy định đặc biệt là kỹ thuật xây dựng các cấu thành tội phạm để đảm bảo tính thống nhất, rõ ràng của các cấu thành tội phạm nói riêng cũng như của các quy định nói chung. Chúng ta thường quan tâm nhiều hơn đến việc bổ sung quy định mà ít quan tâm đến việc rà soát để loại bỏ kịp thời những quy định không còn phù hợp. Khi bổ sung hay sửa đổi các quy định chúng ta thường chỉ chú ý nhiều đến bức xúc của thực tế, đến “vấn đề cụ thể” mà ít chú ý đến lý luận, đến “tổng thể”. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của luật hình sự.

Liên quan đến những quy định tại phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999, qua thực tiễn xét xử chúng tôi thấy có những vướng mắc bất cập ở chỗ, Bộ luật hình sự hiện hành chưa có điều luật nào giải thích về “trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”.

Tại phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999 có một số điều luật quy định nêu khái niệm về các chế định như Điều 9 “*Cố ý phạm tội*”; Điều 10 “*Vô ý phạm tội*”; các tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự như: Điều 11 “*Sự kiện bất ngờ*”; Điều 12 “*Tuổi chịu trách nhiệm hình sự*”; Điều 13 “*Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự*”; Điều 15 “*Phòng vệ chính đáng*”; Điều 16 “*Tình thế cấp thiết*”... Tuy nhiên, trong phần chung của Bộ luật hình sự lại không có điều luật nêu khái niệm về “*Trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân*”. Trong khi đó, tại phần các tội phạm cụ thể lại có một số điều luật quy định về tội phạm liên quan đến thuật ngữ này như: Điều 95 “*Tội giết người trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh*”; Điều 105 “*Tội cố ý gây*

thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”. Do vậy, việc xây dựng một khái niệm về trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và ghi nhận khái niệm đó trong phần chung Bộ luật hình sự là một việc làm cần thiết vừa để hoàn thiện về mặt lập pháp, vừa giúp thực tiễn áp dụng pháp luật được dễ dàng. Bởi lẽ cho đến hiện tại thì nguồn trực tiếp của pháp luật hình sự là Bộ luật hình sự - cơ sở của việc định tội danh và áp dụng hình phạt.

Pháp luật chưa có những quy định cụ thể về giới hạn khi nào con người ta rơi vào trạng thái tâm lý bị kích động mạnh mà chỉ những quy định mang tính chung, đặc biệt là trường hợp con người ta phạm tội trong trạng thái tâm lý có chất kích thích là trạng thái dễ bị kích động thì cũng chưa có quy định cụ thể trường hợp nào nên áp dụng hay không. Mà trong quá trình xét xử còn phụ thuộc nhiều vào ý kiến chủ quan của người tiến hành tố tụng trong từng trường hợp cụ thể. Vì vậy, chúng ta cũng gặp nhiều khó khăn trong việc phân biệt tội này với các loại tội giết người thông thường khác quy định trong Bộ luật hình sự.

Mặt khác, theo quy định của Bộ luật hình sự chúng ta thấy có hai tội đều có chung tình tiết “phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” đó là ở điều 95 và điều 105, theo sự mô tả của Điều 95 và Điều 105 trong Bộ luật hình sự năm 1999, chúng ta gặp khó khăn trong việc phân biệt chúng. Vấn đề này xảy ra khi nghiên cứu CTTP cơ bản của Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Khoản 1, Điều 95) và CTTP tăng nặng của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Khoản 2, Điều 105) vì cả hai CTTP đều chứa đựng hậu quả chết người. Như đã phân tích, khi thực hiện hành vi phạm tội, người phạm tội trong cả hai trường hợp đều không nhận thức rõ hành vi của mình có thể gây ra hậu quả cụ thể nào (chết người hay

thương tích /tổn hại sức khỏe) vì khi đó khả năng nhận thức của họ đã giảm đi đáng kể. Do đó, việc xác định trường hợp nào là cố ý đối với hậu quả chết người (giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh) hay vô ý với hậu quả chết người (cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh dẫn đến chết người) là điều không khả thi. Vậy căn cứ vào đâu để chúng ta có thể thấy được sự khác nhau tại Điều 95 và Điều 105 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngoài ra, có sự không phù hợp về quy định chế tài tại khoản 1 Điều 95 và khoản 2 Điều 105 BLHS. Khoản 1 Điều 95 quy định:

Người nào giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm [26]. Khoản 2 Điều 105 BLHS quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm: a) Đối với nhiều người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác [26].

Hai loại hành vi trong hai điều luật (Điều 95 và Điều 105 Bộ luật hình sự 1999) nếu xem xét mức độ nguy hiểm cho xã hội thì rõ ràng hành vi giết người về cơ bản bao giờ cũng được xem là hành vi nguy hiểm hơn so với hành vi cố ý gây thương tích. Bởi vì ở hành vi giết người, chủ thể của hành vi có thể nói cố ý về cả hành vi và hậu quả chết người, còn ở hành vi cố ý gây thương tích, kể cả trong trường hợp dẫn đến chết người thì chủ thể thực hiện hành vi không được xem là cố ý đối với hậu quả chết người. Thế nhưng theo quy định tại Điều 95 Bộ luật hình sự thì giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có thể bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Trong khi

đó, khoản 2 Điều 105 quy định gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác, thì có thể bị phạt tù từ một năm đến năm năm. Rõ ràng hình phạt đã không tương xứng với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội. Điều này không đảm bảo nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt cũng như nguyên tắc công bằng trong pháp luật hình sự.

Thứ hai, nhận thức của những người tiến hành tố tụng nói chung và thẩm phán nói riêng còn hạn chế khi điều tra, truy tố xét xử về các tội phạm được thực hiện trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh.

Như đã nêu trên, một người phạm tội này cũng là do xuất phát từ chính những mâu thuẫn cá nhân thường ngày dù những mâu thuẫn đó là lớn hay là nhỏ đã gây nên tình trạng bị kích động mạnh dẫn đến việc người phạm tội thực hiện hành vi trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của chính nạn nhân đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội. Ví dụ trường hợp của bà Hoàng Thị Chai (huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái), do bị ông Lò Văn Ngàn (chồng) đánh đập thường xuyên nên phải về nhà con gái ở nhờ và sau đó được con xây cho riêng 1 nhà ở gần nhà chồng, sau đó bà vẫn tiếp tục bị chồng hành hạ, dọa giết. Một lần khi bị chồng cầm dao dọa đâm chết thì bà đã chống trả và dùng cây củi tròn dài 1,14m đánh liên tiếp vào người ông Ngàn làm ông chết tại chỗ. Hành vi thường xuyên hành hạ, đánh đập vợ của ông Ngàn đã làm cho bà Chai tức giận dồn nén lâu ngày đặc biệt là khi ông dùng dao dọa đâm chết làm cho bà Chai căm phẫn, hoảng sợ nên đã dùng cây củi đập liên tiếp vào người ông Ngàn. TAND tỉnh Yên Bái cũng đã xác định bà Hoàng Thị Chai do sự dồn nén, ức chế và sợ hãi lâu ngày trong quá trình chung sống vì thường xuyên bị ông Ngàn chửi bới, đánh đập nên khi thấy ông Ngàn cầm dao dọa giết mình bà đã bị kích động mạnh mà dùng gậy đánh ông Ngàn tới chết.

Đối với vụ án có tình tiết phạm tội trong trường hợp thần kinh bị kích động mạnh đòi hỏi những người tiến hành tố tụng phải nắm vững đặc điểm tâm lý của người phạm tội để xác định có hay không tình tiết thần kinh bị kích động mạnh. Tuy nhiên, do thiếu những kiến thức này nên những người tiến hành tố tụng đã áp dụng pháp luật không đúng.

Thực tiễn xét xử cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc định tội danh. Những vướng mắc này chủ yếu phát sinh đối với những vụ án mà hành vi phạm tội của bị can, bị cáo không thể hiện một cách đặc trưng, rõ ràng các yếu tố cấu thành tội phạm. Hành vi của người phạm tội có nhiều yếu tố khác nhau của các tội phạm khác nhau, như hành vi của người phạm tội vừa có yếu tố kích động về tinh thần, hành vi trái pháp luật nghiêm trọng xâm phạm đến người phạm tội, hoặc cùng có hậu quả là chết người... đối với những vụ án thuộc những trường hợp này, đòi hỏi những người tiến hành tố tụng phải có trình độ lý luận cơ bản và vững chắc, trên cơ sở đánh giá, phân tích, tổng hợp từng yếu tố của vụ án, áp dụng các văn bản pháp luật liên quan một cách chính xác thì mới định tội danh đúng.

Thứ ba : Trình độ hiểu biết pháp luật của người dân còn thấp, tồn tại nhiều mâu thuẫn trong các tầng lớp nhân dân. Lý do vi phạm pháp luật mà lỗi thuộc về con người trước tiên phải kể đến đó là sự không biết hay hiểu biết quá ít về pháp luật của người dân hiện nay. Ý thức pháp luật trong nhân dân vẫn còn nhiều hạn chế. Một bộ phận không nhỏ nhân dân trình độ nhận thức pháp luật kém. Kiến thức pháp luật của nhân dân, đặc biệt những vùng nông thôn, miền núi còn rất thấp. Rất nhiều người tham gia pháp luật mà không biết những quy định của pháp luật mặc dù nó rất gần gũi, phổ biến trong cuộc sống. Nhiều người vi phạm pháp luật mà không nhận thức được hành vi của mình.

Tình trạng phổ biến của người dân hiện nay là chưa có thói quen giải quyết mâu thuẫn bằng con đường Tòa án, bằng pháp luật. Họ giải quyết mâu thuẫn xung đột bằng cách việc xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm... của nhau.

2.2. Những kiến nghị, giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

2.2.1. Quan điểm của Đảng và chính sách hình sự của Nhà nước Việt Nam trong xử lý các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp từ nay đến năm 2020 nhận định: Trong những năm qua, thực hiện các Nghị quyết của Đảng nhất là Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới, công cuộc cải cách tư pháp đã được các cấp ủy, tổ chức Đảng lãnh đạo và tổ chức thực hiện với sự quan tâm cao, đạt được nhiều kết quả. Nhận thức và sự quan tâm đối với công tác tư pháp có nhiều thay đổi tích cực, chất lượng hoạt động tư pháp đã được nâng lên một bước, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, những kết quả đó mới chỉ là bước đầu và mới tập trung vào giải quyết những vấn đề bức xúc nhất. Công tác tư pháp còn bộc lộ nhiều hạn chế, chính sách hình sự, chế định pháp luật dân sự, pháp luật tố tụng còn nhiều bất cập, cần được sửa đổi bổ sung. Cùng với những mặt hạn chế nêu trên, nhiệm vụ cải cách tư pháp đang đứng trước nhiều thách thức. Tình hình phạm tội diễn biến phức tạp với tính chất và hậu quả ngày càng nghiêm trọng. Đòi hỏi của công dân và xã hội đối với các cơ quan tư pháp

ngày càng cao; các cơ quan tư pháp phải thực sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm. Từ nhận định trên, Nghị quyết đề ra mục tiêu: xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, văn minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiên hành có hiệu quả và hiệu lực cao.

Thực tế thời gian qua, Nghị quyết 49- NQ/TW ra đời và đi vào thực tiễn đến nay nhưng so với mục tiêu nhiệm vụ và phương hướng đến năm 2020 mà nghị quyết đã đặt ra thì kết quả mang lại còn ở mức khiêm tốn. Chính sách pháp luật nói chung và các quy định của Luật hình sự liên quan đến tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nói riêng chưa được điều chỉnh kịp thời với yêu cầu của tình hình mới nên dẫn đến việc áp dụng pháp luật chưa đúng. Từ đó, không chỉ xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của con người, bỏ lọt tội phạm, ảnh hưởng xấu đến sự nghiêm minh của pháp luật mà còn tạo ra những hệ lụy khác cho đời sống xã hội, làm cho niềm tin công lý của nhân dân giảm, nên họ tự giải quyết bằng con đường bạo lực, giết hại, gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho nhau, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự. Chưa có sự cải cách mạnh về thủ tục tố tụng và mối quan hệ phối hợp giữa ngành tư pháp trong phòng, chống tội phạm dẫn đến tiến độ đấu tranh, xử lý án kéo dài làm ảnh hưởng đến hiệu quả chung. Do các quy định của pháp luật còn chung chung, nên đối với một tình tiết trong vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng lại có những quan điểm giải quyết khác nhau, không thống nhất từ đó dẫn đến những tồn tại yếu kém, thậm chí vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Chính sách hình sự của nhà nước Việt Nam trong xử lý các tội phạm nói chung và các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nói riêng luôn đảm bảo đường lối xử lý tội phạm – “*đúng người, đúng tội và đúng pháp luật*” đồng thời “*không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội*”. Theo đó, chính sách hình sự về các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh luôn có những thay đổi, hoàn thiện qua các thời kỳ.

Người thực hiện hành vi phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là trường hợp họ không còn hoàn toàn kiểm chế, điều khiển hành vi của mình. Tuy khả năng nhận thức của họ vẫn còn nhưng bị hạn chế ở mức độ cao. Sự ức chế mạnh về tinh thần do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của họ. Ngay từ đầu người phạm tội đã không có ý định hay sự chuẩn bị công cụ, phương tiện cũng như các điều kiện khác để thực hiện tội phạm mà chỉ khi có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân gây nên sự kích động mạnh về tinh thần thì hành vi phạm tội đó mới xảy ra. Do vậy, mà đối với loại tội phạm này không có gia đoạn chuẩn bị phạm tội. Từ những tính chất, dấu hiệu trên mà mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cho xã hội của tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thấp hơn tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bình thường.

Nghiên cứu đường lối xử lý của tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu đường lối xử lý chung và đường lối xử lý cụ thể.

Trong thực tiễn xét xử, khi xác định TNHS Tòa án xem xét tất cả tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 48 và Điều 46 BLHS năm 1999. Nhưng cần phải lưu ý là: “*các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chỉ làm thay đổi mức độ nguy hiểm trong một*

khung hình phạt chứ không làm thay đổi tính chất của tội phạm” [23, tr.34,35] và nếu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được quy định là dấu hiệu định tội rồi thì không được coi là tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho chính tội đó nữa. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cần phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây: khi xét xử phải xem xét đầy đủ các dấu hiệu thuộc cấu thành tội phạm của tội; chỉ áp dụng hình phạt đối với người phạm một tội mà Bộ luật hình sự quy định; chỉ áp dụng những hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự; không xử phạt quá mức cao nhất của khung hình phạt; đối với hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người không được áp dụng hình phạt tiền dù đó là hình phạt chính hay là hình phạt bổ sung vì hình phạt tiền sẽ gây tâm lý coi thường pháp luật, coi thường tính mạng con người, gây rối loạn trật tự xã hội.

2.2.2. Hoàn thiện pháp luật hình sự về các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Bộ luật hình sự năm 1999 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 21/12/1999 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2000. Sau hơn 15 năm được áp dụng, Bộ luật hình sự năm 1999 đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo vệ lợi ích của Nhà nước; quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân; đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm; tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, cho đến nay Bộ luật hình sự hiện hành cũng bộc lộ rõ nhiều điểm bất cập cần phải sửa đổi, bổ sung; nhiều quy định của Bộ luật chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong điều kiện xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền và trong bối cảnh hội nhập quốc tế... Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện, Bộ luật hình sự 1999 đã bộc lộ những hạn chế như có những điều khoản không còn phù hợp với thực tế khách quan, chưa thể chế hóa được những quan điểm, chủ

trương của Đảng về cải cách tư pháp được thể hiện trong 2002 của Bộ Chính trị về “một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian Nghị quyết số 08/NQ-TW” và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về “chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” mà trong đó, một trong những nội dung quan trọng theo yêu cầu cải cách tư pháp là:

Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng hình sự, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm. Khắc phục tình trạng hình sự hoá quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm. Quy định là tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế [10].

Để xử lý tội phạm được đúng luật, để Bộ luật đi vào cuộc sống, phát huy hiệu lực, hiệu quả thì luật thực định phải cụ thể, rõ ràng [31, tr.35- 40] và phải được giải thích kịp thời nhằm hạn chế tối đa khả năng phát sinh việc hiểu không đúng và khả năng tạo cơ cho việc lạm dụng sự không rõ ràng của luật để làm sai [13, tr.9- 14]. Thêm vào đó, trước thực trạng các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh đòi hỏi việc xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho các cơ quan bảo vệ pháp luật hoạt động có hiệu quả cao. Do vậy, theo chúng tôi:

Thứ nhất, giống như các chế định khác trong BLHS như phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ,... trạng thái tinh thần bị kích động mạnh cũng nên được giải thích chính thức trong một điều luật của Bộ

luật hình sự để làm rõ và xác định giới hạn của tinh thần bị kích động mạnh. Đồng thời, cần có các văn bản hướng dẫn cụ thể về hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân cũng như về người thân thích của người phạm tội. Qua những phân tích ở Chương 1 của luận văn, có thể xây dựng một điều luật ở phần chung về thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Cụ thể:

Điều..... Thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là trường hợp người thực hiện hành vi phạm tội ở trong tình trạng không hoàn toàn tự chủ, tự kìm chế được hành vi của mình một cách tức thời do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với họ hoặc người thân thích của họ.

Thứ hai., về hình phạt áp dụng cho khoản 1 Điều 95 và khoản 2 Điều 105 cần có sự chỉnh sửa cho tương xứng. Ngoài ra, hình phạt tiền là một trong những hình phạt chính được quy định trong Bộ luật hình sự xong sự áp dụng nó vào các điều luật chưa nhiều. Trong những trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, hành vi nguy hiểm cho xã hội không cao thì bên cạnh áp dụng các hình phạt khác cần bổ sung áp dụng hình phạt tiền và việc áp dụng hình phạt tiền đối với các tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh không phải là một ngoại lệ. Cụ thể: Đối với trường hợp phạm tội tại khoản 1 Điều 105 “*Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó...*” [26, Điều 105, Khoản 1] thì nên bổ sung lựa chọn giữa hình phạt tiền và hình phạt cải tạo không giam giữ.

Do vậy, theo chúng tôi có thể sửa đổi bổ sung Điều 95 và Điều 105 Bộ luật hình sự 1999 theo hướng như sau:

Điều 95: Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

1. Người nào giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, **thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 05 năm** hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Giết nhiều người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

Điều 105: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, **thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng** hoặc cải tạo không giam giữ đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, **thì bị phạt tù 06 tháng đến 03 năm:**

a) **Đối với 02 người trở lên;**

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác.

Thứ ba, để khắc phục điểm vướng mắc khi áp dụng Điều 95 và Điều 105 BLHS, các nhà làm luật có thể lựa chọn một trong hai cách sau: Một là, bỏ dấu hiệu hậu quả chết người trong CTTTP tăng nặng của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (điểm b, khoản 2, điều 105 của BLHS năm 1999). Như vậy, điểm b, khoản 2, Điều 105 của BLHS sẽ sửa đổi là: “*gây thương*

tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác”. Theo quy định sửa đổi đó, mọi hành vi tấn công người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mà có hậu quả chết người sẽ thỏa mãn CTTP tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh; nếu chỉ có hậu quả thương tích hoặc tổn hại sức khỏe thì thuộc CTTP tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Hai là, vấn đề dấu hiệu hậu quả chết người trong CTTP tăng nặng của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (điểm b, khoản 2, điều 105 của BLHS năm 1999) nhưng phải có văn bản hướng dẫn cụ thể về hậu quả chết người xảy ra ngay hay sau một thời gian thực hiện hành vi phạm tội thì phải xác định như thế nào.

2.2.3. Bồi dưỡng kiến thức nhằm nâng cao trình độ những người tiến hành tố tụng giải quyết vụ án có tình tiết phạm tội trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh

Việc áp dụng pháp luật đúng đắn trong công tác xét xử các vụ án phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là vấn đề rất quan trọng. Có xét xử đúng mới có điều kiện phát huy tính giáo dục, phòng ngừa của biện pháp xử lý và mới có thể chỉ ra được nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm để có kiến nghị xác đáng. Vì vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng có những bài giảng, bồi dưỡng cho điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, hội thẩm những kiến thức liên quan đến giải quyết vụ án có tình tiết phạm tội trong tình trạng thần kinh bị kích động mạnh.

Ngoài ra, Tòa án các cấp cần thường xuyên tổ chức cho Thẩm phán và Hội thẩm nghiên cứu các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước, nhằm

quán triệt yêu cầu, nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Nắm vững đường lối, phương châm xét xử và những thông tư liên ngành của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong công tác xét xử nhất là việc định tội danh và những căn cứ cụ thể để quyết định hình phạt; nguyên tắc vận dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ... Đây là những vấn đề cơ bản được quán triệt sâu sắc để đảm bảo cho việc xét xử các vụ án phạm tội có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được nghiêm chỉnh và đúng pháp luật.

Theo quy định tại Điều 184 BLTTHS năm 2003 thì bản án chỉ được căn cứ vào những chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, nhưng hiện nay có một số nơi, ba ngành công an, kiểm sát, tòa án vẫn lợi dụng việc họp trụ bị để thống nhất với nhau trước về tội danh, về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và điều khoản của Bộ luật hình sự cần áp dụng rồi giao cho Tòa án xét xử. Việc này đã vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc xét xử độc lập của Tòa án, xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân, làm giảm lòng tin của cơ quan tư pháp nói riêng và nền công lý xã hội nói chung [29, tr. 30, 31]. Cần tiến hành xây dựng Tòa án theo hướng đảm bảo cho Tòa án xét xử độc lập, đúng pháp luật, nhanh chóng, kịp thời và nghiêm minh. Thực hiện nghiêm túc nội dung nghị quyết số 48/ - NQ/TW của Bộ chính trị *“mọi quyết định của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phải được công khai để nhân dân dễ tiếp cận, dễ hiểu..”* [10], điều này có ý nghĩa quan trọng trong đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nói riêng.

2.2.4. Áp dụng án lệ vào hoạt động xét xử của Tòa án

Ngày 29/10/2015, TAND tối cao tổ chức họp báo công bố Nghị quyết

03/2015/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ. Việc áp dụng án lệ trong xét xử được TAND tối cao kỳ vọng là bước đột phá để đảm bảo sự minh bạch của hoạt động tư pháp.

Việc án lệ được thừa nhận và vận dụng vào hoạt động xét xử hiện nay sẽ kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác xét xử; bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác xét xử; từ đó góp phần bảo đảm Tòa án thực sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân.

Đối với các tội phạm được thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì việc áp dụng án lệ trong xét xử mang lại lợi ích rất lớn đặc biệt với loại tội phạm này việc phân biệt các hành vi trong thực tế là không dễ dàng vì nó phụ thuộc chủ yếu vào ý thức chủ quan của người phạm tội. Nếu án lệ đối với tội phạm này được áp dụng tốt thì sẽ hạn chế được oan sai, tránh làm oan người vô tội.

2.2.5. Tuyên truyền giáo dục pháp luật và giải quyết các mâu thuẫn trong nhân dân

Xây dựng ý thức sống lành mạnh, tiến bộ cho toàn thể nhân dân là một trong những biện pháp quan trọng nhằm ngăn chặn ngay từ trong tư tưởng của từng người dân ý thức phạm tội, loại trừ tận gốc nguyên nhân của hành vi phạm tội nói chung và hành vi phạm tội trong trường hợp trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nói riêng.

Gắn liền với hoạt động đấu tranh phòng chống các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh cần phải giáo dục cho nhân dân ý thức tôn trọng sức khỏe của người khác. Hoạt động này có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau trong đó việc thông qua hoạt động của các cơ quan văn hóa, văn nghệ, các phương tiện thông tin đại chúng giữ vai trò không nhỏ.

Mặt khác cũng cần tăng cường công tác giáo dục ý thức tôn trọng sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác cũng như tình cảm yêu thương nhau giữa những người trong gia đình cho mọi công dân. Đây chính là hoạt động nhằm ngăn chặn tận gốc những trường hợp thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân như hành vi vu khống, hủy hoại tài sản, dùng bạo lực một cách thô bạo, mâu thuẫn gia đình,...

Công tác tuyên truyền giáo dục nói trên phải được tiến hành đồng bộ, sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân. Sự giáo dục phải dựa trên cơ sở lứa tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn của đối tượng tiếp thu, có như vậy họ mới có thể ứng dụng nó ngay trong thực tiễn của mình.

Từng bước đưa pháp luật vào chương trình giáo dục công dân tại các trường phổ thông, các trường dạy nghề, các trường đại học và các cơ sở giáo dục đào tạo trong cả nước. Thông qua chương trình giảng dạy pháp luật phổ biến tinh thần cảnh giác cho thanh thiếu niên trước các tiêu cực trong xã hội. Việc làm này phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, lâu dài, để từ đó góp phần xây dựng những phẩm chất cá nhân tích cực.

Tiếp tục cải tiến các hình thức tuyên truyền, giáo dục đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trong các tầng lớp nhân dân bằng các hình thức phong phú gắn liền với văn hóa, nghệ thuật. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là các chương trình phát thanh, truyền hình đề dần hình thành ý thức tuân thủ pháp luật trong nhân dân cũng như tư tưởng, tình cảm tích cực của nhân dân đối với cơ quan thực thi pháp luật.

KẾT LUẬN

Pháp luật hình sự là một trong những công cụ sắc bén và hữu hiệu để đấu tranh phòng ngừa tội phạm, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, góp phần duy trì trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đồng thời pháp luật hình sự còn góp phần chòng lại mọi hành vi phạm tội, giáo dục mọi người có ý thức chấp hành và tuân theo pháp luật.

Nghiên cứu đề tài về “*Các tội phạm được thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo Luật hình sự Việt Nam*”, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

Việc phân tích khái niệm, các dấu hiệu pháp lý, các trường hợp phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh cho phép chúng ta nhận thức rõ ràng, đầy đủ hơn về bản chất pháp lý của tội này, nhận thức đầy đủ hơn về tính nguy hiểm cũng như yêu cầu phải trừng trị nghiêm khắc và phòng ngừa đối với tội phạm này.

Phân tích làm rõ sự khác biệt giữa các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với các tội phạm liên quan đến PVCĐ, phân biệt với tình trạng bị kích động (Điều 46 Bộ luật hình sự) cho phép chúng ta nhận thức rõ và đầy đủ hơn về tính nguy hiểm cũng như đặc điểm pháp lý của loại tội phạm này để tránh nhầm lẫn trong việc định tội danh, áp dụng sai điều luật.

Các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là một trong những nhóm tội được quy định sớm trong pháp luật hình sự nước ta. Các tội phạm này đã và đang diễn biến phức tạp, ngày càng có nhiều chiều hướng gia tăng trong phạm vi cả nước. Thực tiễn xét xử các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh không ít Tòa án còn gặp những vướng mắc, lúng túng và không ít trường hợp áp dụng còn chưa thống nhất các quy định của pháp luật hình sự trong hoạt động xét xử.

Luận văn đã phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, cho thấy những khó khăn phức tạp trong thực tiễn áp dụng xử lý tội này, thấy rõ yêu cầu cấp bách cần phải hướng dẫn, xử lý hoặc sửa đổi bổ sung các quy định của pháp luật có liên quan đến loại tội danh này. Đồng thời mạnh mẽ đưa ra những đề xuất, kiến nghị về hướng dẫn và sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự liên quan đến các tội phạm thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh để việc áp dụng luật hình sự trong đấu tranh phòng chống tội phạm đạt hiệu quả cao hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo thi hành Bộ luật hình sự (2000), *Tài liệu tập huấn chuyên sâu về Bộ luật hình sự năm 1999*, nhà in Bộ Công an, Hà Nội.
2. Phạm Văn Beo (2008), “Tình tiết định tội “Phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (132).
3. Bộ Tư pháp (1976), *Thông tư số 03-SL-BTP-TT ngày 15/4/1976 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Sắc luật số 03*, Hà Nội.
4. Lê Cẩm (2000), *Một số vấn đề lý luận chung về định tội danh Chương XXXI – giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb CAND, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (2006), *Những vấn đề lý luận bảo vệ quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực TPHS” TAND*.
6. Lê Cẩm (chủ biên) (2001), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, (tái bản lần thứ nhất – 2003), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Lê Cẩm (chủ biên) (2003), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Hải Duyên – Hoàng Trường (2015), *Nguyên đại úy bắn chết trạm phó Suối Tre lĩnh 9 năm tù*, <http://vnexpress.net/tin-tuc/phap-luat>.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48 –NQ/TW ngày 24/5 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
11. Nguyễn Ngọc Điệp (1997), *550 thuật ngữ chủ yếu trong pháp luật hình sự Việt Nam*, Nxb TP. HCM.
12. Đỗ Đức Hồng Hà (2007) *Tội giết người trong Bộ luật hình sự Việt Nam” Luận án tiến sĩ luật học*, Trường Đại học Luật Hà Nội.
13. Nguyễn Ngọc Hòa (2005), “Chính sách xử lý tội phạm trong luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí luật học*, (3).

14. Nguyễn Ngọc Hòa (2006), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*”, Nxb CAND, Hà Nội.
15. Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (1999), “*thuật ngữ luật hình sự*” trong sách: *Từ điển giải thích luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
16. Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam (1976), *Sắc luật số 03/SL ngày 15/03/1976 quy định về tội phạm và hình phạt*, Hà Nội.
17. Hội đồng thẩm phán (1986), *Nghị quyết 04/HĐTP 29/11/1986 hướng dẫn áp dụng một số quy định phần các tội phạm BLHS 1985*, Hà Nội.
18. Trần Minh Hương (2012), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự*, Nxb Hồng Đức.
19. Trần Văn Luyện (2000), *Các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe*”, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
20. Trần Văn Luyện (2000), *Các tội xâm phạm tính mạng con người trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb chính trị quốc gia.
21. Đỗ Ngọc Quang, Trịnh Quốc Toàn, Nguyễn Ngọc Hòa (1997) *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
22. Đinh Văn Quế (2003), *Bình luận khoa học luật hình sự (phần các tội phạm) tập I*, Nxb TP. HCM.
23. Đinh Văn Quế (1999), *TNHS đối với các tội xâm phạm tính mạng sức khỏe, nhân phẩm của con người*, Nxb chính trị - Quốc gia.
24. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Quốc hội (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

27. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Kim Thái – Võ Thủy (2015), Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, <http://anninhthudo.vn>.
29. Phan Hữu Thức (2002), “Góp ý kiến về tranh tụng tại phiên tòa hình sự”, *Tạp chí pháp lý*, (12).
30. Trường đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm)*, Nxb DHQGHN, Hà Nội.
31. Đào Trí Úc (2001), “Những đảm bảo cần thiết cho việc thi hành Bộ luật hình sự năm 1999”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (01).
32. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2005), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam, (phần các tội phạm)* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.